

N<sup>o</sup> 198

16 Juin 1981

# NAM PHONG



## Văn-Học Khoa-Học

### Tạp Chí

XUẤT BẢN MỖI  
THÁNG HAI KỶ

REVUE BIMENSUELLE SCIENTIFI-  
QUE ET LITTÉRAIRE AVEC UNE  
PARTIE REDIGÉE EN FRANÇAIS

MỖI SỐ 0\$ 25



IN TAI



ĐÔNG KINH ÁN QUÁN (IMPRIMERIE TONKINOISE)  
80-82 RUE DU CŒUVRE HANOI-1937

# NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Người sáng-lập

PHẠM QUYNH

FONDATEURS  
LOUIS MARTY

NGUYỄN HỮU-TIẾN

Tòa báo : Phố Hàng Gai, số 80, Hà-nội.

Direction et Rédaction : 80 Rue du Chanvre, Hanoi.

Ai gửi bài lai-cáo hoặc thư-lưu gì về việc báo xin viết cho ông Nguyễn Hữu-Tiến số 22 Phố Hàng Gai (22 Rue du Chanvre, Hanoi).

Fondateur-propriétaire  
Sáng-lập Chủ-nhân

PHẠM QUYNH

## YÊU-MỤC

		Số trang
1. — Văn thế nào là thoát-sáo mà lại thiết-thực.....	Nguyễn Trọng-Thuyết	425
2. — Sự-nghiệp duy-tân của vua Thánh Bê-dắc (Saint Péter) đối với nước Nga ngày xưa.....	Hải-Khách	429
3. — Quốc-dân giáo-dục.....	Nguyễn Khắc-Cán	433
4. — Đồ mắt dạy. (Truyện-ngắn).....	Lê Đức-Nhuông	436
5. — Chơi Phù-quốc.....	Mộng-Thuyết	440
6. — Việt-Nam tân-quốc tày-ngôn XVI.....	Đông-Giàu và Hữu-Nam	444
7. — Thuyết hình-danh của Hán-phí II.....	Kiến-Bử	449
8. — Đời sáng dạ (Trích thăm tiểu thuyết) II.....	Tùng-Toàn	452
9. — Văn-uyên.....		457
10. — Thời-dàm.....		459

### Supplément en français

1. — Le mandarinat de demain.....	H. Th.	83
2. — Bulletin de la Quinzaine.....		88
3. — Relations Franco-Annamites : Un exemple et un symbole.....	N. P.	89
4. — Un divorce.....	Nguyễn Tiểu-Lung	91
5. — La critique littéraire.....		94
6. — Revue des revues.....	Nguyễn Mạnh-Tường	99

### Hán-văn

1. — *Thế-tâm vận sự*.....

Kỳ này có ảnh bà lớn Thống-sứ THOLASCK đến thăm hội-quán Hợp-thiện và bức tranh sứ-bộ đời Tây-sơn yết-kiến vua Kiến-lĩnh nhà Thanh tại hành-cung Nhiệt-hà

La reproduction et la traduction des articles publiés dans le « Nam-Phong » ainsi que la reproduction des gravures sont formellement interdites sauf autorisation expresse de la direction.

Cấm không ai được phiên-dịch và bắt chước in lại những bài và ảnh trong Báo-chí, trừ khi nào nhà báo có cho phép thì không kể.

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

## VĂN THỂ NÀO LÀ THOÁT-SÁO — MÀ LẠI THIẾT-THỰC ? —

*Khách* : — Văn thể nào là hay ?

*Chủ* : — Văn viết được thoát-sáo mà lại thiết-thực thì hay.

*Khách* : — Thế nào là thoát-sáo mà lại thiết-thực ?

*Chủ* : — Tức như trong một bài văn luận-thuyết, phải dùng rất ít những lời cũ, mà nhất là không dùng những ý cũ hay là khi có dùng đến ý cũ, thì phải làm phần nó đi cho ra mới, khi cần phải viện-dẫn đến ý-kiến cũ vào của ai để chứng-tá thêm cho ý-kiến của mình, thì chỉ lựa lấy một vài câu cốt-yếu mà thôi. Cái thói cất văn của người khác ở những sách vở xa-xòì ở đâu, cố-nhiên là thói ăn cắp văn hèn-mạt không đáng kể rồi; còn cái lối viện-dẫn lời người khác, vẫn đề tên người nói, song « khênh » lời của người ta vào từng tờ một, thì cũng là lối không hay, đó là kéo áo người để đập chân mình. Lại như phép mới bây giờ, viết một bài luận-thuyết,

lác-giã phải tự tìm lấy giới-thuyết bằng ý-kiến mới của mình, như thể mới là văn thoát-sáo.

Tuy thế nhưng chỉ một thoát-sáo cũng chưa đủ, mà lại phải thiết-thực nữa mới là văn hữu-dụng. Thiết-thực là tư-tưởng phải khản-thiết với cõi hiện-tại. Thường nghị-luận đến những việc cần-cấp mà nói cho thiết-dàng. Có tí-dụ điều gì thì phải lấy những sự-vật ở quanh mình mà dựng cầu-ký dẫn những cái ở xứ lạ phương xa quá.

*Khách* : — Vậy thiết-thực gì bằng lấy ngay cái bài « Không khéo văn là cái học trong khuyển-sáo » của ông trong N.-P. số 192 ra mà bản. Tôi sẽ hỏi ông từng chỗ.

*Chủ* : — Ông cứ tự-do hỏi, nhưng làm thế e người ta cho là không được công-bình, vì tôi cãi ý ông thì thành ra tôi làm trạng-sư cho bài của tôi.

*Khách*: — Được, ông cũng cứ tự-do cãi, tôi có óc biết phân-đoán. Thế nhưng bài « *Cái học trong khuyển-sáo* » ấy, ông trách-móc cõi tân-học của ta, chẳng qua cũng chỉ là cái thói thường ghen-ghét mà mặt-sát đó thôi, có gì mà thoát-sáo.

*Chủ*: — Ấy chết, sao ngài nhận lầm như thế có oan cho tôi không? Thế ngài không cho tôi được mon-men gì đến cõi tân-học của ta dư? Tôi tuy xuất-thân ở trường cựu-học, nhưng có lúc cũng được hân-hạnh tới lui trường tân-học ít ngày. Tôi cũng dịch được một vài câu văn chữ Pháp kia mà, tôi cũng vẽ-vẽ vài điều về cái học phổ-thông ngày nay, trong tư-tưởng tôi rất khuynh-hướng về cái thuyết tiến-hóa (*l'évolution*). Thế thì ông cũng nhận cho tôi là một tên lính mộ mặt-hạng của đội quân tân-học ta nay cho khỏi tội-nghiệp. Bài « *Cái học khuyển-sáo* » nó chỉ là một bài văn cảnh-cáo rất thống-thiết mà thôi. Phàm việc gì, kể nào có quan-hệ đến thì mới yêu, yêu thì mới thiết. Thấy không được như ý-nguyện thì phải nói, đem những chỗ tệ-hại bày tỏ cho người có trách-nhiệm vào đó được hay mô-liệu. Yêu càng sâu, nói càng thẳng và càng thống-thiết. Có khi nói mà bị

giận, bị tội lỗi, như Bùi Sĩ-Tiêm làm quan nhà Lê, nhân điều-trần việc thời-tệ một cách bộc-trực mà chúa Trịnh đuổi về xua gà. Xưa nay như thế cũng nhiều, mà kẻ nói thẳng vẫn không chừa, là vì yêu nhiều nên thiết đến mà phải nói. Tuy vậy, nhưng vẫn cảnh-cáo, người viết nó dù bị ghét mà tự nó vẫn có ảnh-hưởng hay cho đời.

Người xem văn phải phân-biệt lời trung-cáo với giọng mặt-sát khác nhau. Trung-cáo thì khẩn-khoãn thiết-tha, nói rõ chỗ tệ-ra và có bày cả chỗ làm. Còn mặt-sát thì chỉ thuần một giọng vui rập đi mà thôi.

Như thế thì cảnh-cáo là lẽ thường, đời có việc nguy-hiểm thì có văn cảnh-cáo. Còn thoát-sáo là chỗ ở trong bài văn.

*Khách*: — Thế nhưng câu kết trong bài ấy lại dùng cây đa là vật bên đường làm tỉ-dụ thì tầm-thường lắm.

*Chủ*: — Ấy chính phép tỉ-dụ phải như thế. Văn có biết dùng nhiều tỉ-dụ mới là văn hay, mà tỉ-dụ là lấy sự-vật gì tầm-thường trước mắt để hình-dung cho một cái nghĩa nào to-lớn cao-xa. Câu kết ấy tôi muốn lấy một giống cây to để ví với một cái sự-nghiệp lớn, cứ xem một giống cây to nào lúc

mới này mầm nó cũng đã khác thương rồi, thì biết việc nào lúc mới phôi-thai đã có đặc-sắc, thì mới mong có hi-vọng phát-dạt lên về sau. Nhưng tôi không dùng cây « chène » bên Tây, cũng không dùng cây « chương » bên Tàu, như lối cổ hay dùng những tên con rồng, con phượng, con lân làm tỉ-dụ, mà dùng cây đa vừa là giống cây to vừa ở ngay bên đường, chúng ta ai cũng biết. Thế là thoát-sáo mà thiết-thực chứ gì.

*Khách* : — Thế trong bài còn chỗ tỉ-dụ nào quan-hệ nữa không ?

*Chủ* : — Còn. Đoạn gần đầu bài, tôi muốn bình-dung cho hai tính-chất của cái học cũ với cái học mới khác nhau thế nào. Tôi ví học-thuật ngày xưa nó chỉ như cái lâu-dài để trang-sức cho sự sống thêm thú-vị ; còn học-thuật ngày nay thì nó không những là cái lâu-dài trang-sức, mà nó lại chính là cái khí-giới để phấn-dấu cho sự sống được thịnh-vượng và lâu-dài. Hình-dung như thế tưởng cũng đã thiết-thực lắm chứ, mà thực tôi cứ hí-hăng là của tôi tự đặt ra, nên cuối bài ấy tôi lại nhắc lại hai câu ấy một lần nữa.

*Khách* : — Vậy đề ông định lấy linh-cách cho bài ấy.

*Chủ* : — Mỗi thể văn có một tính-cách, tính-cách của thể văn cảnh-

cáo là phải điều-trần những chỗ tinh-tệ ra cho rõ-ràng, ít lời mà bao-quát và đúng sự thực, để người nghe tinh thức mà tránh khỏi chỗ dở. Còn những lời khuyến-khích là việc thương. Ấy thế mà bài ấy chính như thế đấy. Nó do một tấm khổ-tám chân-thành mà viết ra. Suốt bài không câu nào dùng điều cũ hay là lời thành-ngữ nào.

*Khách* : — Thế sao về khoa-học lại hỏi ngay cả dưa tương mắm ? Tùn-mùn lắm !

*Chủ* : — Không tunn-munn đâu. Chính hiểu lẽ khoa-học lắm mới biết hỏi thế đó. Về chỗ biết thì nhà khoa-học đối với quả cà cũng như đối với vi định-tinh hay là với ít nước dái, nghĩa là đều phải xét tới. Về chỗ ứng-dụng thì việc gì thiết-cận cho dân-sinh hằng ngày, nhà khoa-học phải chú-ý thực-hành trước. Vì thế mà kỹ-nghệ mới phát-dạt. Ông không thấy mấy hóa-chất như : rượu, giấm, đường, « ê-te » (*ether*), lòng trắng trứng v. v. chiếm một địa-vị lớn ở trong hóa-học không kém gì điện-học, quang-học đấy ư ? Thế mà cả dưa tương mắm chính là sự biến-hóa của mấy chất đường, giấm, lòng trắng trứng ở trong khoa hóa-học đó, có làm-thương đâu. Phương-chi

nước mắm của nước ta rất cần dùng cho thứ ăn của chúng ta, là một mối lợi lớn, lờp đến thành vấn-đề lợi-quyền sung-dột, ông cũng biết đấy. Nếu bây giờ ông biết cách chế nước mắm cho tinh-xảo hơn trước thì ông chóng giàu ngay mà ích-lợi cho khắp chúng tôi hơn là ông biết cách chế rượu vang.

*Khách*: — Thế còn ông?

*Chủ*: — Thi tôi cũng như ông, vẫn chịu là không biết gì, nhưng ta vẫn mong-mỏi cho người sinh sau ta, người có trách-nhiệm mà gặp thời biết nhiều hơn ta. Thế mới là tiến-hóa. Nay ông hỏi vặn tôi như thế, chẳng khác gì hai câu chuyện sau này:

Một chuyện là: Một cậu đồng-sinh thi hai khoa sơ-học không đỗ. Người anh của cậu vốn đã thất-học, hán-tự chẳng biết, quốc-ngữ cũng không. Bấy lâu vẫn giúp đỡ và trông mong vào em để làm

cho tỏ rạng gia-môn, người anh thấy sự thất-vọng bèn ký-kèo em. Em không nhịn nổi, gất lên mà rằng: « Chả còn hơn anh lại đặc cán-mai cả ư? »

Lại một chuyện: Một anh chàng đồ-vật, tập vật đã lâu mới ra đi vật dấm. Vợ anh bấy lâu chẳng nề khó-nhọc, nào khâu khố-bao cho anh, nào nện sân vật, nào nấu cháo cho anh ăn để khỏe gân cốt. Những mong chàng danh-giá thiếp cũng về-vang lây. Nào ngờ anh đi vật mấy dấm đều thua, khi về, vợ bĩu môi một cách giận mà yêu: « Ừ ừ, hôm nào cũng bị dè ». Đực anh chổng đồ vật ấy xấu hổ và tức mình vội nói: « Tôi đấy, chứ mình thì chúng nó còn dè nữa. . . ! »

*Khách*: — Hay nói khôi-hài thế sao họ điếu cho mãi mà vẫn im?

*Chủ*: . . . .

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT



## ự-nghiệp duy-tân của vua Thánh Bì-đắc (Saint Péter) đối với nước Nga ngày xưa



Ai cũng biết nước Nga ngày nay là một nước cường - thịnh mà ít người biết đến nước Nga hơn hai trăm năm về trước vốn là một nước dã-man ên-yếu. Người nước Nga ngày nay coi bọn họ nhà vua cũ là cừu-thù, hưng-hồi hơn hai trăm năm trước, vương-suất lên cuộc duy-tân, thúc-lic, hò hét, cưỡng-bách, xô-dẩy cho người dân nước Nga bước lên con đường tiến-hóa mới của Âu-tây như cha mẹ thúc ép con thơ, thầy thúc ép trò nhỏ đi học, lại chính là một ông vua anh-hùng kỳ-vĩ để bao nhiêu công-lực khai-hóa lại cho nước Nga. Ông vua ấy tức là Thánh Bì-đắc vậy.

Gần đây mười năm có cuộc duy-tân của Thổ-nhĩ-kỳ, Thống-lĩnh MUSA PASHA KEMAL xướng-suất kẻ cũng đã là sốt-sắng. Thống-lĩnh bắt trong nước hết thầy học-thuật chế-độ phải bỏ lối cũ của Hồi-giáo mà theo lối mới của Âu-tây. Ông tự ra đứng ở đầu đường lấy giấy viết chữ cái La-mã lên bảng đen, nà giảng cho dân biết thứ chữ cái ấy là tiện-lợi nên dùng để đặt làm quốc-văn. Song cuộc duy-tân này muộn quá, những cái về văn-minh mới truyền nhập hoặc ảnh-hưởng vào trong nước đã lâu, người nước đã quen tai mắt rồi, nay đem cải-cách thì việc làm cũng dễ.

Lại gần đây hơn 60 năm có cuộc duy-tân của Nhật-bản kẻ cũng đã là mạnh-bạo lắm. Hết thầy mọi việc học-

thuật, chính-trị, xã-hội đều là mô-phỏng theo như của Thái-Tây. Vua Minh-trị tự hót tóc vận Âu trang cho dân bắt trước, Hoàng-hậu cũng bắt đầu tự vận đồ nữ-trang Thái-Tây. Phạm việc từ nhỏ đến lớn cái gì không được giống như tây là không nghe. Song người Nhật-bản cảm-hóa Nho-giáo đã lâu, sẵn có kiến-thức và khí-khái, cuộc duy-tân này bởi lòng hăng-hái của sĩ-dân thúc-giục lên, nên làm được chóng.

Đến như nước Nga thì lại khác. Nước Nga bấy giờ cõi đất tuy rộng mà hoang rậm, nhân-dân dốt-nát biếng-lười. Người ta đã gọi là mán của Âu-châu. Đối với cái phong-trào canh-tân của các nước Âu-Tây, ngoài vua Bì-đắc ra, từ các quan triều-thần cho đến các hạng nhân-dân đều mơ-màng mờ-mịt, không ai được trông thấy, không ai từng nghĩ đến. Vậy thì biết công việc duy-tân của nước Nga bấy giờ thực là khó-khăn rất mực, không thể so-sánh với hai nước Thổ-nhĩ-kỳ và Nhật-bản được.

Cứ trong sách *Thái-Tây tân-sử* của người Anh đã chép lại thì cái câu « người Nga là mán của Âu-châu » bấy giờ cũng không phải là không đúng. Hồi hơn hai trăm năm về trước, tức là từ năm 1689, năm Bì-đắc lên làm vua về trước, người Âu-châu không ai thêm kể đến nước Nga. Trên đất cạn Âu-châu chưa từng có vết xe móng ngựa của quân Nga dẫm qua. Đất-dại rộng

rãi từ Âu sang Á, nhưng nhân-dân có nhiều giống nói khác nhau, ở đâu biết đây, ngõ hầu quên không biết là cùng nhau thuộc quyền cai-trị của một ông vua. Giáo-hóa thì mới theo đạo Cơ-đốc được vài trăm năm, nhưng cũng chỉ theo về hình-thức đó thôi, nhân-dân thực vẫn ngu-xuẩn chưa từng được chịu cái ích gì của sự giáo-hóa. Việc buôn bán chỉ buôn thúng bán mẹt loanh-quanh ở trong nước, chưa từng mậu-dịch với nước nào ở ngoài. Trong nước chưa biết chế-tạo đồ vật gì, mà gián-hoặc có người thợ-thuyền nào thì vụng-về quá sức. Như thế mà lại cứ giữ cái thói bủ đóng chặt cửa ải không giao-luông với nước nào, cho nên ù-tịt không còn biết ai hay hơn mà bắt chước.

Việc học không có trường công, vũ-bị không có binh chính-ngạch. Đường lối xấu hẳn khó đi, bến sông không có đò ngang. Thực chưa đáng gọi là một nước. Duy có bọn dân canh-nông là quan-hệ nhất, nhưng cũng vẫn làm theo lối cũ, khâu tre cây gỗ, thủy hạn nhờ trời. Lại còn một phái dân du-mục nữa, thì nay ở vùng này mai đi vùng khác, không nhất định ở đâu. Dân trong nước chỉ biết có hai cái sự nghiệp sinh-hoạt của đời người là lúc yên - ổn thì lười - biếng giống chơi không thiết gì làm ăn, lúc biến - loạn thì giết người như ngóc, kéo bè kéo đảng làm hại nhau. Ấy đại-dề cái hiện-tình của dân nước Nga lúc vua Bê-dắc chưa lên ngôi là thế.

Đến như chính-thần vua Bê-dắc lúc còn nhỏ cũng không hề được hưởng-thụ chút giáo-hóa hay-ho gì hơn người thường. Là một vị hoàng - tử mà không từng được đi học, người ta lại để cho tha-hồ nó đủ, thậm-chí đến

những cách chơi đại-dốt hạ-lưu, Bê-dắc lúc nhỏ cũng không từ. Khi lên làm vua thì từ việc lớn đến việc nhỏ, chẳng hiểu một tí gì. Bọn quan hầu hằng ngày lại dẫn-dụ vào những thú chè chén cùng những cách chơi quái-ác hủ-bại. Nói tóm lại là trong thời-kỳ thiếu - niên, Bê-dắc bị người ta làm mờ-ám hết cách. Ấy thế mà ngờ đâu Bê-dắc lên ngôi vua rồi, tự khải-phát thông-minh ra, bèn cải bỏ hết mọi điều lầm trước. Mời thầy giảng học, hiểu biết đạo-lý, quyết ra tay quét sạch hết những thói nhờn-bẩn hủ-lậu tích-lũy mấy nghìn năm đi cho nước cho dân. Vài mươi năm theo gót Âu-tây, đổi một nước cũ ra làm một nước mới; tiến một dân hèn-yếu man-dã lên một dân cường-dại văn-minh, thực nhờ ở một tay nhà vua vậy.

Các nước Âu-tây bấy giờ như Anh, Pháp, Hà-lan vẫn vẫn, đều đang đua nhau mở-mang ra phong-hội mới. Đua nhau phát-minh lý-thuyết mới, chế ra vật-chất mới, nước nào nước ấy đều có cơ bùng-bộ thịnh-vượng mở-mang. Vua Bê-dắc tiếp được phong-trào, rất lấy làm hâm-mộ. Biết rằng muốn cho vận-mệnh nước Nga được sống còn và hưng-thịnh, dân-tộc nước Nga được tiến-hóa bằng người, không thay đổi mọi việc dân việc nước cho như các nước tiên-tiến Âu-tây thì không được. Nhà vua bèn đứng ra canh-cải mọi việc và đốc-suất cho thần-dân. Bắt đầu cải-cách bộ binh, mời thầy Âu-tây về dạy. Kế đến kiến-thiết hải-quân, nhưng nước Nga vốn chưa biết đóng tàu binh. xét đến tiếng nói trong nước cũng chưa chế ra có tiếng gì chỉ về tên tàu binh. Vua Bê-dắc bèn giao ngôi vua cho triều-thần, vi-phục và đổi họ tên, thân-hành sang các cửa bể nước Anh nước Hà-lau



học nghề đóng tàu. Nhà vua xin vào làm trong xưởng đóng tàu, cầm kim vác búa, làm việc và lặt tiền công như người thợ thường mà không ai biết. Khi thành nghề mới thêm bọn thầy thợ đóng tàu đúc máy đem về nước để dạy cho người Nga.

Nước Nga vốn không có bến tàu, kinh-dô cũ là *Moscoa* ở giữa đại-lục, vua Bỉ-đắc quyết ý thiên-dô ra bờ biển *Ballique*, cố sức kinh-doanh không bao lâu đã thành một chốn tàu-dò hùng-tráng và chốn hải-quân thịnh-vượng.

Vua Bỉ-đắc không những một mình đốc-suất quân-cổ mọi việc quốc-chính, mà đến những việc chế-tạo mới, lớn từ việc đúc súng trái-phá, nhỏ đến việc buộc cái dây, nhà vua cũng mó tay vào làm cả. Đồng-thời bấy giờ từ chính-trị, tôn-giáo, luật-pháp, bu-cục, y-viện, học-đường, toán-pháp cho đến các thứ phục-sức xã-giao hết thấy cái gì cũng biến đổi theo như ở Tây-phương. Kén thiếu-niên tuấn-tú trong nước cho đi du-học các nước, học lấy đủ mọi nghề: nghề in, nghề dệt nỉ dệt vải, nghề buôn, nghề chế-tạo khí-dụng. Học được nghề gì về, nhà-nước lập tức mở xưởng lập trường để truyền dạy cho người nước. Lại lấy lễ rước mời đủ các học-giả kỹ-sư các khoa đến làm giáo-sư làm cố-vấn cho. Vì vậy chỉ trong vài mươi năm mà nước Nga-la-tur mới tiếng-lăm lừng lẫy, quật-cường ở cõi Âu-châu. Thực là nhờ ở một mình nhà vua có chí quả-quyết có sức cương-nghibi mà làm nên vậy.

Công việc duy-tân bất-kỳ lớn nhỏ không việc gì là vua Bỉ-đắc không thực-hành chủ-nghĩa cưỡng-bách, tức như mấy việc cải-cách về phong-tục, nay còn truyền lại làm những câu chuyện lý thú như sau này :

Phong-tục nước Nga trước đều theo như các nước Đông-phương. Tục đối với phụ-nữ, đàn bà con gái cũng không được ra khỏi cửa, việc dựng vợ gả chồng cũng đều do quyền cha mẹ định. Vua Bỉ-đắc bèn hạ lệnh cho trong nước rằng :

« Đạo vợ chồng là sự quan-hệ cho một đời người ta, có lẽ nào lại làm cái việc ép-uông đề cho người ta bị ân-hận một đời. Tự nay về sau, kẻ nào muốn kén chọn được người vợ hay là chồng cho vừa ý phải đôi, thì hai người con trai con gái ấy trước phải gặp nhau ở với nhau một chỗ ít ra là sáu tuần lễ, rồi sẽ tự ý đính-hôn với nhau. Người làm cha mẹ nào mà cứ ý làm chướng-trương việc hôn-nhân cho con cái thì sẽ bị phạt ».

Cho đạt được mục-dích tờ sắc lệnh trên ấy, lại bắt chước bên tây lập ra khắp trong nước các thứ hàng cà-phê, nhà ô-ten, để cho bọn thiếu-niên nam nữ tự-do đến chơi-bời giao-tế với nhau mà kén chọn và đính-hôn với nhau, cho cái nghĩa cả về vợ chồng được thỏa-mãn như ý muốn.

Người Nga cũng đề râu cằm dài như lối Đông-phương, vua cũng hạ lệnh cho dân phải cạo râu cằm đi như lệ Tây-phương, kẻ nào còn cứ để râu cằm dài như cũ thì cho là phạm luật, bị tội nặng. Những kẻ ngu-dân trong giáo-hội Nga, nghe thấy đạo sắc lệnh cạo râu cằm ấy họ cho là một điều chính-lệnh rất bạo-ngược. Nhưng lại không dám không tuân, họ bèn đem món râu đã cạo cất vào hòm mà di-chức cho con cháu rằng : « Sau ta chết thì đem món râu ấy bỏ vào mà liệm cho ta ». Là ý họ nghĩ rằng nếu chết đi mà không có râu cằm, lúc bị nạn

thì đức Thánh Giáo-tò ngài không nhận mà cứu giúp họ.

Đến như việc đổi phục-sức lại càng nghiêm-khắc lắm. Người Nga xưa cũng theo lối Đông-phương quần rộng áo dài lưng-thụng. Bấy giờ nhà vua hạ lệnh bắt dân phải cải-trang theo lối Tây-phương cả. Lệnh hạ rồi, bèn cho đem những hình vẽ các kiểu quần áo tây dân các đầu phố cho dân được tiện trông thấy để bắt chước mà may quần áo mới. Nếu tình-cờ gặp kẻ nào còn mang bộ áo cũ thì quan sai lính cầm kéo cắt cụt ngay đi.

Lại còn việc cải-cách lịch cũ. Dân thì tin rằng ngày đầu năm của lịch cũ là ngày đầu mà Thượng-đế sáng-tạo ra trời đất, phải nên giữ. Nhưng vua bắt định không nghe, cho là lời của kẻ mê-tín, bèn hạ lệnh đổi theo năm tây và lịch tây.

Sau vua Bê-đắc mất, người ta truy-ân mà tôn gọi là « thánh » tức là Thánh Bê-đắc (SAINT PÉTER). Ôi, nhà vua làm nên sự-nghiệp cho nước cho dân, người ta tôn là thánh cũng là đáng. Chả còn hơn vô-số ông vua khác ở

Đông-phương, chẳng có công-đức gì mà cũng xưng-tụng tán-dương là thánh đư?

Bây giờ người Nga đổi ra chính-thần-dân-chủ rồi, nhưng dù thời-thế biến thiên thế nào, người Nga cũng không nên quên công của ông vua « Thánh ấy mới phải.

Coi đó thì biết dân các nước văn minh ngày nay mà sờ-dĩ bay nhảy đượ ở trên con đường tiến-hóa mới, ban đầu cũng là nhờ đượ có cái ơn giáo-hóa cái công diu-dắt của một bọn số người đàn anh ban cho cả. Khi đi bước lên trên đường tiến-bộ mới rồi tai mắt càng thấy rộng, trí-lực càng mở-mang, mới có thể mà tự mình chủ-trương mưu-lo cho mình đượ hết thấy. Nhân mà tiến lên cầu lấy cho cuộc sinh-hoạt chung ngày thêm thóa-mãn. Chớ trước kia thì dân ở đâu cũng là ngu cả. Vậy ngày nay ta chỉ biết trách những người nhà quê ta là ngu bèn hủ lậu, không biết duy-tân, cũng là quá khể.

HẢI-KHÁC



# QUỐC-DÂN GIÁO-DỤC



Một nước mạnh hay yếu, thịnh hay suy, là theo ở trình-độ giáo-dục của quốc-dân cao hay thấp. Thổ-địa to, khí-hậu tốt, sản-vật nhiều, dân-cư đông, không đủ làm thành một quốc-gia, đó mới là cái xác một quốc-gia mà thôi, xác không hồn sống làm sao được ! Vậy hồn của quốc-gia là gì ? Là tinh-thần của quốc-dân vậy. Tinh-thần ấy mà nảy nở tốt đẹp thì quốc-gia được giàu mạnh về-vang ; tinh-thần ấy mà bạc-nhược suy kém, thì quốc-gia phải đồi-bại diệt-vong. Vậy cái gì bun-đúc nên tinh-thần của quốc-dân để làm cái hồn chung của một nước ? Chẳng phải là sự giáo-dục ư ? Cứ xét từ xưa đến nay, từ đông-tây, nước nào mà quốc-dân được hưởng-thụ một nền giáo-dục xứng-dáng thì nước ấy mạnh và giàu, nước nào mà trong quốc-dân không có một nền giáo-dục hẳn-hoai thì nước ấy hèn và yếu. Vậy sự giáo-dục là cái cơ-sở thứ nhất của sự thịnh suy một nước, vì nước bởi đâu mà hành ra ? Ai cũng biết là bởi quốc-dân vậy. Mỗi người dân là một phần-lử của nước, hợp nhiều những phần-lử ấy hay thì nước hay, hợp nhiều những phần-lử ấy dở thì nước dở. Cho nên làm cho mỗi người trong nước hay là làm cho quốc-gia được thịnh-vượng đó, gây lấy cái tinh-thần riêng từng người là gây lấy cái hồn chung cho cả nước vậy.

Nhà triết-học nước Đức nói : « Mục-dích sự giáo-dục là làm cho phát-siễn

hết cái năng-lực của cá-nhân. (*Le but de l'éducation est de développer dans l'individu toute la perfection dont il est susceptible.* KANT) Năng-lực ấy chính là cái tinh-thần của mỗi người trong nước đó. Tinh-thần ấy mà mạnh-mẽ đầy-đủ thì có thể kết nên một khối hồn chung rắn như kim-cương vững như bàn thạch. Trái lại, nếu tinh-thần ấy mà suy kém bạc-nhược thì quốc-dân chẳng khác gì đồng bụi đồng tro. Một cơn gió là đủ làm cho tan tành tan-rác. Người mà hồn tiêu-tán thì người chết, nước mà hồn tiêu-tán thì nước diệt, lẽ ấy rất rõ ràng, nên những nước giàu mạnh đông tây đều lấy sự giáo-dục quốc-dân làm hệ-trọng. Vì một nước khác nào một cây nọ ; cây mà nở ngành xanh ngọn sinh được quả ngọt hoa thơm là nhờ ở như gốc được vững vàng, rễ được bón tưới. Nước mà phú-cường tiến-hóa, có những chế-độ tốt, tư-tướng hay là nhờ ở như quốc-dân có học-thức có giáo-dục. Không có lẽ nào rễ gốc sâu mục mà cây được vững-vàng tươi-lốt, cũng không có lẽ nào quốc-dân ngu-muội mà quốc-gia được giàu mạnh về-vang.

Nay ta đã rõ một quốc-gia cần phải có nền giáo-dục hoàn-toàn là chừng nào, vậy nền giáo-dục ấy cần phải có thứ bậc nào và những tinh-cách gì ? Nền giáo-dục ấy có thể chia ra làm ba bậc như sau này : 1) Gia-đình giáo-dục. 2) Học-dường giáo-dục. 3) Xã-hội giáo-

dục. Cả nền giáo-dục ấy ví như một tòa lâu-dài rực rỡ thì gia-đình giáo-dục là tầng móng, học-đường giáo-dục là tường nóc và xã-hội giáo-dục là cách tu-bổ giữ-gìn.

Muốn cất một ngôi nhà to-tát, trước hết phải có móng tầng kiên-cố, nhiên-hậu xây tường dựng nóc lên mới không lo gì lún đổ; nhà có vững bền bấy giờ giữ-gìn tu-bổ mới dễ. Một người cũng thế, muốn cho sau này thành kẻ quốc dân xứng-dáng, trước hết phải có gia-đình giáo-dục hẳn-hoai, nhiên-hậu mới hấp-thụ được học-đường giáo-dục và mới có thể cảm-nhiệm được xã-hội giáo-dục vậy.

Gia-đình giáo-dục là sự dạy dỗ ở trong nhà, là nền-phạm của cha mẹ đối với con cái. Đứa trẻ từ một hai tuổi cho đến năm sáu tuổi chỉ biết có gia-đình mà thôi, cứ theo khuôn phép trong đó mà sinh-trưởng, một lời nói, một việc làm của cha mẹ là có ảnh-hưởng sâu-xa đến nó. Vậy kẻ làm cha mẹ phải nên rất cẩn-thận trong cách ngôn-ngữ cử-chỉ cho đứa trẻ trông thấy đề mà làm gương, lại thường thường phải khuyên răn, dạy bảo để nó tập lấy những đức tốt nết hay; vì ở trong gia đình mà đứa trẻ đã cảm-nhiệm những thói hư nết xấu, không học được những điều hay điều phải, thì sau này khó lòng mà sửa đổi được; ra học-đường sẽ là một tên học-trò xấu, lớn lên sẽ là một kẻ quốc-dân hư, gieo hại cho xã-hội. Nên ta có thể nói được rằng những người làm cha mẹ mà không trông nom đến sự giáo dục của con cái là hạng người đánh thuốc độc cho quốc-gia đó, rất có tội to với nòi giống vậy.

Đến học-đường giáo-dục — như trên kia đã nói — thì ví như tường nóc

ngôi nhà, phần này là phải dùng nhiều phu nhiều lần, phải khôn khéo mới được. Muốn cho tòa nhà kiên-cố vững-vàng, thì phải lấy phương-huống cẩn-thận, vẽ kiểu-mẫu to-tát, sẵn vật-liệu kiên-cố và kén thợ cho tinh-tu. Nay muốn cho lâu-dài quốc-gia vững, thì nên học-đường giáo-dục cũng phải có những tính-cách như nghĩa là phải xem phương-huống kiểu-mẫu, sẵn vật-liệu và kén thợ thuyên như dựng một ngôi nhà. Xem phương-huống là thế nào? — phải tùy đất nước tùy tình thế quốc dân mà gây nên giáo-dục. Một nước bên châu Á không thể đặt nền giáo-dục như một nước châu Âu, một dân-châu Á không thể giáo-dục y như dân-tộc châu Âu được, chỉ nên chọn chữ không nên phỏng chộp. Vì dụ nước Việt-Nam ta không thể đặt nền giáo-dục y như nền giáo-dục nước Pháp được, vì văn-minh, lịch-sử nước không giống nhau; dân-tộc Việt-Nam không thể giáo-dục như dân-tộc Pháp được, vì phong-tục, tổ-truyền ngôn-ngữ khác hẳn nhau. Nay nếu cứ lấy nền giáo-dục nước này để làm nền giáo-dục nước kia thì chẳng khác nào ngắt hoa cây nọ mà cắm vào cành cây kia, chỉ mỗi ngày thấy khô héo đi, chứ không thể kết-quả được. Vẽ kiểu-mẫu là thế nào? Là phải thảo chương-trình cho thích hợp, đặt qui-thức cho chính đáng; nên học-đường giáo-dục rất cần hệ ở chỗ đó, nếu khuyết-diếm thì sẽ hại to cho sự rèn đức quốc-dân. Sẵn vật-liệu là thế nào? Là phải có đủ sách vở cần dùng về các phương-diện đức dục, tri-dục, thể-dục. Những vật-liệu ấy lại không thể cầu-thả được. Vì xây nhà mà gạch bỏ gỗ mục thì chỉ có phần nguy-hiểm mà thôi, một cơn gió là đủ làm cho lay đổ. Nay giáo-dục quốc-

dân mà sách-vở có giá-trị thiếu thốn, chỉ thấy những tiểu-thuyết hoang-dám, những báo chí nhảm-nhí, thì ta có thể tưởng-tượng sẽ tạo-thành những quốc-dân thế nào ? Còn kèn thợ là sao ? La phải dùng người có đủ tư-cách làm nhà giáo-dục, vì chức-trách giáo-dục là một việc rất quan-trọng. In cái động-cơ của sự tiến-hóa một nước, nó rằng vận-mệnh một quốc-gia là ở đó cũng không phải rằng nói quá ; nên người đã mang chức-trách ấy phải là người có đủ đạo-đức, đủ học-thức để làm gương cho kẻ khác. Việc kèn chọn này mà gặp sao hay vậy thì cái hại lại càng to lắm.

Sau cùng là xã-hội giáo-dục. Người ta nhiều khi vì hoàn-cảnh mà thay đổi tâm-tinh, sống trong một xã-hội không còn gì là lễ nghĩa, tiêm sĩ, thì ít người giữ được tư-cách thanh-cao, sinh trong đám bùn mà không nhiễm mùi bùn như cây hoa sen thì khó lắm. Ta chẳng thấy lắm người khi còn ở nhà là người con rất nết-na, khi ở học-đường là người học-trò rất đức-hạnh, thế mà khi bước chân vào xã hội, bị ảnh-hưởng xấu đã hóa ra một kẻ quốc-dân hư-hỏng đấy ư ? Nên cần phải có một xã hội tốt, thì cá-nhân mới chịu ảnh-hưởng hay được ; trong xã-hội phải có cái không-khi tốt lành thì

mới có thể nuôi sống được tinh-thần của quốc-dân. Nếu xã-hội mà tệ-liệt, náo học-phong suy kém, sĩ-khí tiêu-tàn, náo tục-lệ đồi-bại, mê-tin đầy dẫy thì tinh-thần quốc-dân tài nào mà không trụ-lạc được, quốc-hồn tài nào mà không diệt-vong được.

Ngày làm lễ ngũ-thập-niên kỷ-niệm cái học-chế hiện hành ở nước Nhật tại trường Đại-học Đong-kinh. Nhiếp-chính-vương nước đó có đọc lời sắc-dụ rằng : « Ta đến dự lễ hôm nay lấy làm vui lòng lắm. Nhân dịp này xin nhắc lại để quốc-dân biết, muốn cho sự giáo-dục tiểu thời cả về phần thân-thể, cả về phần tinh-thần phải cùng tiến-bộ, nước được vẻ-vang, dân được sung sướng, việc chính-trị, việc kinh-tế, việc công-nghệ, việc quốc-phòng, được chiểu-bị, nguồn gốc cũng là ở sự giáo-dục mà ra cả. » Xem đó thì đủ biết vì đâu mà nước Nhật ngày nay trở nên một nước hùng-cường trên thế-giới, vì đâu mà quốc-hồn nước Nhật ngày nay trở như đá vững như đồng ? Vậy chẳng phải vì trong nước có một nền giáo-dục xứng-dáng cho quốc-dân ư ? Ôi ! Quốc-dân giáo-dục, quốc-dân giáo dục ! Những nước hèn yếu trên mặt địa-cầu chẳng nên ngày đêm mà lo-liệu đến hay sao ?

NGUYỄN KHẮC-CÁN



# ĐỒ MẤT DẠY

LÊ ĐỨC-NHƯỢNG

Trời chập-choạng tối, cụ Giáo Huấn dương nằm thiu-thiu ngủ trên cái võng ở ngoài hiên, chợt bai cô bé con cụ đuối nhau quanh võng, tiếng cười khúc-khích làm cho cụ giật mình tỉnh dậy, cụ gọi:

— Bằng cả đâu ? cả. . . . cả. Đồ mất dạy !

Gọi năm bảy tiếng không thấy cậu cả thưa, cụ gắt : « thế là đã nhảy rồi đấy ! Không biết nó đi đâu mà tối nào cũng khò đi thế ! Hễ xềnh mình ra một tí là nó lại nhảy ngay ! Con nhà hư quá. Đồ mất dạy ! Minh dạy con nhà người ta, tham, phán, giáo, phủ, huyện, bao nhiêu người thành-đạt, mà con mình thì thế. Thấy học thì hãi như gà thấy cáo. Trời cũng chơi khăm mình thật ! »

Nghe tiếng cụ ông gắt, cụ bà ở đằng sau đi ra, nói :

— Nó vừa mới ở đấy mà.

— Nó vừa mới ở đấy thì bây giờ nó đâu ? Nó đi từ tám nẻo rồi còn gì.

— Ô hay ! lúc tôi ra vườn thì nó hãy còn ở đấy mà. Con nhà tẻ quá ! Thót cái lại nhảy !

— Bây giờ bà mới biết con bà hư. Trước kia tôi có đánh chửi nó thì bà đã bênh ngay. Bây giờ nó hư quá rồi không thể dạy được nữa thì bà mới chận nhận là con bà hư. Thật là con hư tại mẹ nhé !

— Vâng, nó hư tại tôi.

— Nó chả hư tại bà thì còn hư tại ai. Mà chính ngay bà cũng bưng-bình nữa là uó. Thật là mẹ nào con nấy.

— Mẹ nó làm sao thì con nó làm vậy. Nó chả giống mẹ nó thì nó giống ai. Bao nhiêu cái tốt xin phần ông cả. Nhà chúng tôi chỉ có thể với kém thôi.

— Tại bà cứ chiều nó mãi kia mà. Con một có khác.

Rồi cụ nói dụ :

— Tôi vẫn luôn miệng bảo bà rằng hai năm nó thi vào trường Sư-phạm đã hỏng rồi, chỉ còn năm nay nữa mà không thi vào được thì hết tuổi; cho nên nhân tôi về hưu, mỗi kỳ nghĩ hè tôi rèn thêm cho nó đề nó đậu « công-cua » mà vào trường Sư-phạm. Chẳng quan-tư gì thì nó cũng có chức-nghiệp có địa-vị với đời, cho khỏi tủi bà với tôi. Thế mà nó không chịu học thì tôi phải chửi phải đánh chứ không nuông được. Thương con thì để trong lòng chứ nuông thì hư-hỏng ngay. Ấy thế mà hễ tôi có chửi đánh nó thì bà lại bênh ngay chằm-chập thì còn dạy-đỗ sao được nữa.

— Cứ kể ra thì tôi bênh nó làm gì, nhưng sao lúc ông đánh nó ông không bắt nó nằm xuống tử-tế cho mà đánh, lại cứ vớ được cái gì cũng phang, cũng vụt, cũng quăng, thế nhỡ ra vào chỗ phạm nó chết thì làm sao ?

— Nó chết còn hơn để người ta chửi cho là nhà giáo mà không biết dạy con.

Hai vợ chồng cụ Giáo đương cãi nhau thì cụ Trợ đẩy cửa bước vào. Chẳng cần phải can-gián cho thêm nhọc, cụ Trợ liền cầm lấy khăn và áo dài của cụ Giáo rồi kéo cụ Giáo sang bên nhà chơi.

Hai cụ ngồi chơi uống nước, nói chuyện một lúc rồi rủ nhau thuê xe đi chơi mát, thẳng đường hai cụ bảo kéo lên tỉnh xem bát tuồng cho giải-trí.

Tan hát, hai cụ ngại về, bèn gọi cửa vào nhà cô đào quen để ngủ.

Vào trong nhà, hai cụ chỉ thấy có hai cô đào già, cụ Giáo liền hỏi :

— Lan và Huệ đâu ?

— Thưa hai quan, hai đi nó phải tiếp khách trên gác.

— Khách nào thế ?

— Thưa quan, khách ở Hà-nội sang.

— Già hay trẻ ?

— Bầm trẻ ạ.

Cụ Giáo nghĩ mà chán ngắt, rủ cụ Trợ toan ra về, vì không còn ngẫu gì nữa, nhưng hai cô đào già cố mời, hai cụ mới chịu ở lại. Hai cụ chỉ ở lại làm « châu ngủ » thôi, chứ không hát xướng gì nữa, vì bấy giờ cũng đã khuya lắm rồi.

Hai cụ phải nể lời ở lại nên xem ra không được vui.

Lúc cởi áo lên giường ngủ, cụ Giáo còn cố gọi Lan nhưng Lan không nghe tiếng, mà vì Lan có nghe tiếng nữa thì chắc Lan cũng không dám bỏ khách đấy mà xuống tiếp cụ.

Cụ Trợ gần cụ Giáo đứng gọi nữa và bảo cụ Giáo rằng :

— Thôi thần nào hưởng của ấy, để cho trẻ họ vui với cảnh trẻ, mình già thì vui với cảnh già vậy.

Rồi hai cụ cùng hai cô đào già cười ồ lên và mỗi cụ ôm một cô lên một giường ngủ.

..

Sáng hôm sau, hai cô đào già trở dậy đi pha nước cho hai cụ xơi. Kể như mọi lần thì hai cụ trở dậy, rửa mặt, uống nước rồi đội khăn mặc áo về ngay. Nhưng vì đêm qua chưa được giấc mắt Lan và Huệ, nên hai cụ phải ngồi rón lại, chờ hai ả xuống, trách cho hai ả mấy câu rồi mới về được. Trong khi ngồi chờ hai ả xuống, hai cụ cứ phải nói chuyện chầy với hai cô đào già cho đỡ buồn.

Một chốc thì thấy Lan và Huệ ở trên gác đi xuống. Hai ả đi ở cầu thang, nét mặt thờ-thẫn, tay rụi mắt, chưa biết rằng ở nhà dưới có khách quen.

Hai ả mắt nhắm mắt mở vừa bước chân xuống đất thì cụ Giáo vội nói :

— Hai chị khinh người thật ! Chúng tôi đến đây từ đêm đến giờ mà hai chị cứ phe-lờ đi chẳng thèm hỏi đến.

Nghe nói, Lan giật mình, nhìn vào rồi vừa đi đến chỗ cụ Giáo vừa nói :

— Ô kia ! Hai anh lên bao giờ thế ? em không biết đấy.

Nói rồi, giơ một tay quàng lấy cổ cụ Giáo mà ngồi xuống bên.

Cụ Giáo làm mặt giận, nói :

— Thôi đi đừng bỡ-lờ nữa, đêm hôm qua người ta gọi đi-đi mà cũng chẳng thèm xuống.

— Anh gọi nhưng em không nghe tiếng, nếu nghe tiếng thì em xuống ngay.

Rồi ả vừa vỗ tay vào má cụ mà vừa nói ng-nụ nói :

— Khốn nạn ! Đêm qua tôi không biết, để anh tôi ngủ một mình. Anh có



ngủ được không hử ? Cười đi rồi chốc nữa em đến.

Cụ Giáo ngồi xa Lan ra và nói :

— Thôi đừng nói vuốt đuôi nữa đi ! Chị đã có khách Hà-nội rồi thì còn thiết gì đến những thằng khách nhàn què này nữa.

Lan liếc mắt lườm cụ rồi dấm yêu cho cụ một cái.

Cụ Giáo hãy tay Lan ra, nói :

— Thôi bây giờ tôi khỏi đau lưng rồi, chị ạ ! Giả đêm qua mà được chị dấm cho thế thì còn nói gì nữa.

Lan cau mày, đứng dậy vít cổ cụ Giáo xuống rồi vừa dấm vào lưng cụ thùm-thụp vừa nói :

— Này khỏe nói kháy này ! Này khỏe nói kháy này ! Này...

Cụ Giáo vừa giơ tay ra gạt tay Lan vừa kêu :

— Ôi trời ôi ! Thôi mà ! Eua mãi ! Đau mà !

— Thế đã chừa chưa ?

— Chừa rồi.

Lan bỏ cụ ra. Từ bấy giờ cụ thối không nói chọc tức Lan nữa, rồi ôm Lan vào lòng mà nói chuyện. Bên kia cụ Trợ cũng ôm Huệ vào lòng. Bốn người ngồi nó đùa với nhau tiếng cười như nắc-nẻ.

Sợ hai cụ ngưng, hai cô đào già phải thoái ngay vào nhà trong để cho hai cụ được tự-do nó đùa với hai ả Lan và Huệ. Cụ Giáo lại hỏi Lan :

— Khách Hà-nội có sộp lắm không, em ?

Lan nũng-nịu nói :

— Thưa anh sộp lắm ạ.

Cụ Giáo nguây-nguây đẩy Lan ra và nói :





— Thôi, chị đi lên với khách sộp của chị đi, chúng tôi « bỏ » lắm.

Lan lờm cộ rồi lại dấm cho cộ một hồi nữa.

Bốn người đương nó đùa cợt nhà thì nghe trên gác có tiếng giầy đi lịch-kịch : hai ông khách Hà-nội đã dậy. Lan bảo Huệ :

— Di nó chạy ra chân thang gác gọi hai ông ấy xuống đây uống nước nhân thể.

Cụ Giáo cũng bảo Huệ :

— Ừ, phải đấy, em chạy ra gọi họ xuống đây uống nước cho vui.

Huệ chạy ra chân thang gác gọi rồi lại chạy vào bên cụ Trợ ngồi.

Bốn chiếc giầy nện thình-thình trên cầu thang, cụ Giáo vừa ôm Lan ở trong lòng vừa ngẩng đầu lên nói :

— Mời hai ông xuống xơi nước.

Hai ông khách Hà-nội chừng không nghe tiếng nên chẳng nói gì. Cụ Giáo tưởng hai ông khách trẻ khinh người, không thèm trả lời, nên cộ cứ ôm chặt lấy Lan và chăm-chăm nhìn lên thang gác. Nhưng cái thang gác ấy lại ở ngay mé cửa ngoài mà chỗ tay thang lại có ván bưng kín mít, nên cộ chưa

trông thấy. Mãi lúc hai ông khách trẻ gần xuống đến nơi, cộ mới lại nói :

— Mời hai ông xuống xơi nước.

Cộ vừa nói rút lời thì hai ông khách trẻ vừa bước chân xuống đất. Trông rõ người, cộ bỏ Lan ra, sừng-sốt đứng dậy. Cụ Trợ cũng vội hô Huệ ra chực đứng dậy. Hai cộ đều dường như ra dáng giận dữ, vừa toan xô ra giữ lấy hai ông khách để nói gì thì hai ông khách đã ù té chạy mất.

Lan và Huệ cùng ngạc-nhiên, không hiểu đầu đuôi ra sao mà hai ông khách Hà-nội lại chạy như thế. Lan liền chạy theo ra cửa, gọi :

— Này, hai ông ơi ! Chi tiền hát đi đã chứ.

Lan gọi cũng mặc, hai ông khách Hà-nội chẳng buồn quay cổ lại, cứ cầm đầu chạy nhanh như tàu điện mở bẫy, mỗi ông còn bỏ một cái mũ dạ lại.

Cụ Giáo và cụ Trợ nhủ nhau mà thở dài rồi bảo nhau gọi Lan về điều-dinh để chi tiền hát dùm hai ông khách Hà-nội ấy cho yên. Lúc về, mỗi cộ lại làm ơn mang một cái mũ về cho hai ông, một ông của cụ Trợ, một ông của cụ Giáo.

LÊ ĐỨC-NHUÔNG

### Cải-chính h

Nam-Phong số 197 có đăng ảnh quan Thống-sứ TROLANCE và phu-nhân đến thăm chùa Võ-hưng ở Hoàng-mai chứ không phải ở viện Tế-bần.



## CHƠI PHÚ-QUỐC



... Con tàu từ-từ rẽ sóng... tiến lên. Đã ba tiếng đồng-hồ rồi, chúng tôi lênh-dênh ở giữa biển khơi bát-ngát. Trông ra quanh mình toàn một màu xanh nhạt, mặt nước liền chầu mây. Thỉnh-thoảng một vài cù-lao loảng-thoảng ở chỗ ménh-móng trời nước. Về phía tây, dãy núi Tà-lơn bệ-vệ nằm dài trong mây khói. Đảo Phú-quốc! Một vệt xanh-xanh to lớn nằm chắn ngang phía trước, mây tỏa lơ-mờ, như dán dính với da trời... Đảo Phú-quốc! Cảnh bấy lâu trong mộng-tưởng thì kia đã hiện ra trước mắt.

Con tàu từ-từ rẽ sóng... tiến lên. Tiếng sóng vỗ vào be tàu nghe như một khúc nhạc hùng-hồn oanh-liệt. Chúng tôi cảm thấy lòng sung-sướng mạnh-mẽ. Tựa vào be tàu, dăm-dăm tôi ngó về phía trước: Nước biển một màu xanh bóng như dầu lợt chầu mây. Hôm nay trời dăm mát, mấy đám mây đen lơ-lửng bóng tối, tưởng-tượng như con chim đại-bằng to lớn xòe đôi cánh bay lướt qua biển Nam-minh.

Con tàu từ từ rẽ sóng... tiến lên. Cảnh mờ-mờ dần dần xòe lùi lại. Bấy giờ đã thấy rõ-ràng màu cây lá xanh biếc gần với màu nước biển xanh dờn, một vệt cát trắng chạy dài ở giữa. Hàm-ninh đã ở trước mắt. Tàu không áp bờ được vì ở đây bãi cạn xa. Tàu đỗ tựa ngoài khơi rồi có ca-nô đưa vô bờ.

Quản-ly Phú-quốc ở Dương-dông. Dương-dông ở về phía bên tây đảo. Về mùa nam này, sóng to gió lớn, tàu thuyền vô cửa bất-liện nên phải đỗ ở đây rồi đáp ô-tô qua Dương-dông. Ngồi trên ca-nô dòm xuống: Nước trong như lọc thấy tận đáy, những con chạch-chang sủa biển ngo-ngoè đang bò, chúng nó sinh-hoạt trong cái thế giới thủy-tinh. Gần mé bãi, trên đàn cây của người thuyền chài cắm dề phơi lưới, một đàn chim nhạn đậu riu-rít rìa lông, nghe tiếng chèo bơi bi-bõm, giết mình cắt cánh một loạt bay vô.

Đến bờ đã có ô-tô đón sẵn. Chúng tôi đáp xe qua Dương-dông. Con đường quan-lộ tuy chẳng được khang-trang rộng-rãi lắm, nhưng được cái sạch sẽ sáng-sủa.

Xe chạy độ non một tiếng đồng hồ thì đến Dương-dông. Tỉnh ra cuộc hành-trình vừa mất sáu tiếng đồng hồ chẵn. Sáu giờ sáng, khởi-hành ở Hà-tiên, 12 giờ trưa đã ở Dương-dông rồi! Nhờ lại những chuyện nguy-hiểm khó-khăn của người đi biển bằng thuyền buồm nói lại mà chúng tôi lấy làm sung-sướng quá. Trong sáu tiếng đồng-hồ đi một cách bình-yên mà đã được trải qua cái cảnh bèo-bồng trên mặt biển, được thở hút cái không-khí thanh-táp man-mác chốn biển khơi, và được trông thấy bao nhiêu cảnh-vật thanh-kỳ ở

chỗn trời nước gió mây thần tiên xa-lạ, đối với cái đời êm-lặng kín-đào của người con gái ở chốn buồng khuê, thật là một dịp may đặc biệt.

Dương-dông ở về phía tây đảo Phú-quốc, một dải đất màu-mỡ, cây cỏ xanh tươi, nhà cửa ở chen-chúc nhau, một con sông xinh-xinh chảy đôi, môn-man chảy trong lòng cát trắng.



Cơ nước nghỉ-ngơi xong, chiều lại rủ nhau đi tắm biển. Bãi cát trắng phau, chạy dài hàng mấy nghìn thước. Ngoài khơi xa, lác-dác mấy chiếc thuyền đánh cá, cánh buồm trắng in vào đám mây hồng. Bên dãy núi mờ xanh, nhơn-nhờ đầu ngọn lạc, tạc thành một bức tranh-ảnh không-lỗi tuyệt đẹp. Chúng tôi nô giỡn với làn sóng bạc trong khoảng trời nước mênh-mông thủa-thích. Bỗng một đám mây đen kéo đến phá cuộc vui chơi. Sắp có mưa. Cả bọn cùng dật nhau về. Đến nhà thì mưa vừa lâm-tấm đồ hạt. Trời tối. Mưa vừa ngớt hạt thì chúng tôi lại ra đi. Chúng tôi đi trong các ngõ đường để xem cảnh đêm nơi hòn bãi. Trăng mười một. Bém mờ, sương lạnh, ở đây thật có cái vẻ tĩnh-mịch vô-cùng. Trên mặt biển, lác-dác những thuyền con đi « thể » mực, ánh đèn soi xuống đáy nước, xa trông lấp-lánh như gương. Người ở đây làm việc thật không mấy lúc nghỉ-ngơi, nhưng việc nặng-nhọc thì làm về ban ngày, còn những việc nhẹ-nhàng thì làm về buổi tối. Dưới ngọn đèn mờ, người và trời, kẻ chuốt mây, vừa làm vừa chuyện-văn, trông có vẻ sung-sướng ung dung an-vui về công-việc.



Trời sáng. Không được cái cảnh bình-minh trong-trẻo như lòng ao-ước đêm

rồi. Trời lâm-tấm mưa. Mặc gió mưa, vì không lẽ để lỡ cuộc đi chơi nên sau khi điềm-tắm xong và đi dạo qua một vòng chợ, chúng tôi khởi-bành. Suối Đá ở trên con đường Hàm-ninh — Dương-dông. Con đường này hôm qua đã có đi rồi, nhưng ngồi xe, nên không xem ngắm được phong-cảnh hai bên.

Cũng con đường này hôm qua, thì cây cỏ như vô-tình, mà hôm nay cảnh vật dường như hữu-ý đón chào. Đi độ hơn cây số thì đến giếng Tiên. Giếng Tiên, huyền-diệu lạ-lùng như cái tên của nó, là một vũng nước nhỏ cạn ở kề liền bờ sông nước mậu, mà nước vẫn ngon-ngọt và đầy tràn luôn. Bỏ sự nghiêu biết nhờ khoa-học, thì nó có cái tinh-cách thần-tiên huyền-diệu như thế, nên gọi là giếng Tiên vậy.

Từ giếng Tiên đến suối Đá còn hơn ba cây số nữa, thỉnh-thoảng có một cái vườn tiêu, còn hai bên toàn là rừng sim cẩ. Chúng tôi từng được nghe nói lại cái thú mùa sim đi hái trái : Cái thú vui-vẻ nên thơ lắm, trên cành nặng trĩu trái chín, điềm có mấy chùm hoa nở muồn trắng trắng hồng hồng. Đây một cô bé xinh tay mang giỏ tay hái trái, nét mặt ngây thơ hơn-hở; kia một người thiếu-phụ lâu-quần dưới gốc cây, nét mặt vô tư lự ở giữa chốn bóng trái đầy rẫy nhẹ-ubàng uốn-éo, rồi cất tiếng hát ca véo-von êm-ái. Giờ phút ấy tưởng như đã lạc-loại vào chốn rừng tiên cảnh lạ.

Nghe nói mà thích quá, nhưng ước-ao được một dịp đi hái sim, Nhưng nay đến đây, mùa này, thì chỉ có cảnh không tro-troy thối qua một ngọn gió vô-tình. Chúng tôi bồi-hồi đứng tiếc.

Hôm nay trời dâm mát, nên đi đường dễ chịu lắm. Lại hai bên toàn là cảnh đẹp, mãi xem ngắm mà quên mỏi chân.

Cái chân dưng cha mẹ « cưng » không mấy khi dễ dẫn trên đường cát bụi. Nghĩ cái lòng thương-con của cha mẹ thật là vô-cùng, không nói cái lòng thương đó nên như thế hay không nên như thế.

Gần đến suối Đá, xa xa đã nghe tiếng nước chảy rào-rào. Một cái cầu ván bắc ngang suối để nối cho con đường quau-lộ chạy ngang. Suối rộng độ bốn năm thước, còn nguồn suối thật không biết từ đâu chảy lại. Trên kia vừa nhớ đến cái lòng cha mẹ thương con. Rồi đứng trước đây nhớ câu: «...Cống mẹ như nước trong nguồn chảy ra », thực là có nghĩa và có vị quá!

Lòng suối toàn là đá từng khối nằm liền nhau chỗ cao chỗ thấp, nước từ trên cao đổ xuống róc-rách, bọt nước trắng phau. Chúng tôi lội xuống khoát nước rửa mặt, cảm thấy cái mát lạnh trong da thịt. . .



Chiều đi chơi chùa Quảng-tế. Chùa này là một nơi u-thắng ở Dương-dông. Chùa cất trên một ngọn đồi cao ở bên mặt biển. Quanh chùa dọn-dẹp sạch-sẽ lắm, từ con đường nhỏ cho đến bậc đá thêm đều có trồng hoa cỏ. Trong vườn chùa đủ các thứ cây ăn trái, lúc nào cũng có bóng cây mát rợp. Chủ chùa là một bà vải già trắng-trẻo, khuôn mặt hiền-lành phúc-hậu, vô-tư-lự mà sống một cách thần-nhiên trong cái hoàn-cảnh thần-tiên êm-ái...

Đứng trước chùa trông xuống là xóm rẫy. Thỉnh-thoảng một túp nhà lá ẩn trong đám cây xanh. Rẫy ở đây phần nhiều trồng cau và dừa; thân cây cao vút trên ngọn tỏa một chùm lá dài tha-thướt xây tròn buồng rủ xuống. Đứng trên cao xa trông xuống nó có một

vẻ đẹp là-là. Đàng xa tí một dãy núi màu lam-nhật. . .

Phía sau chùa là mặt biển. Chiều, Mặt trời sắp lặn. Ánh nắng phản-chiếu đỏ rực một góc trời, mây dầm mây sáng rực-rỡ lửng-lơ trên lưng chừng trời trông như những hòn núi cầm-thạch. Chúng tôi từ trên đồi vừa ngắm cảnh vừa đi lẫn xuống bãi cát. Từ trên đồi xuống bãi phải đi qua một đám cỏ, thỉnh-thoảng có mấy cụm hoa nhỏ và mấy bụi tranh. Cụm hoa bụi tranh ấy khi ở xa trông như mặt biển có diềm mây cù-lao chiu-chit.

Trong những « cù-lao nhỏ » ấy là chỗ trú của giống chim cúc. Tiếng người bước xột-xạt, vai con ở gần giắt mình cất cánh bay vù ra rồi xao-xác tìm bụi khác chui vào. Thích quá, chúng tôi chạy đến mấy bụi khác đuổi phá. Chim lại bay vù rồi xao-xác tìm bụi khác chui vào. Mãi đùa giỡn như thế mà khi đến bãi biển mặt trời đã xuống kề mặt nước. Bấy giờ không còn tia chói nữa, thấy rõ-ràng một vầng tròn đầy-đặn như mảnh trăng rằm mà có cái màu tươi đỏ hơn, nằm kề tấm gương to, lấp-lánh ánh-sáng nhạt của bóng trời tà. Thoạt đầu, còn là mảnh trăng rằm tròn vành-vạnh, thoáng một cái, còn là hình bầu nguyệt, rồi dần dần núp mình khuất bóng sau mảnh gương mờ. Trời đất đi dần vào cõi tối...



Đêm nay trăng tối quá, giờ phút thần-tiên dễ bỏ hoài, chúng tôi liền đỡ cuộc thưởng trăng chơi phiếm trên sông. Cơm tối xong chúng tôi xuống chiếc thuyền con. Con sông quanh-co, chiếc thuyền từ từ thả theo dòng nước. Bốn bề yên lặng, Chỉ nghe tiếng nhịp-nhàng của mái chèo khua nước và tiếng nói chuyện của chúng tôi. Thỉnh-

thoảng một cơn gió biển thổi qua âm áp mát-mẻ đến lặm hồn, mặt sóng lay động. Đàng sau, bóng trăng dưới nước chấp-chờn từ từ trôi theo con thuyền, « thuyền đi dật theo cô Hằng » lúc bấy giờ tôi thấy rõ cái cảnh-tượng ấy.

Chúng tôi sung-sướng ở giữa khoảng đêm thanh-tĩnh trăng soi gió thoảng như vậy. Chúng tôi mơ-màng phảng-phất như đang du-phiêu trên Hương-giang mà trong mộng-tưởng đã vẽ với theo lời kỹ-thuật của các nhà du-lich đất Trường-an. Có thiếu chăng nữa chỉ là thiếu tiếng đàn ca của cô đào Huế. Cũng trăng cũng gió, cũng nước cũng trời, cũng gió đưa cành trúc, cũng tiếng gà vẳng xa, cũng tiếng chuông ngân-ngã vang động. Bấy giờ thuyền đi đã xa chợ, đến chỗ rẽ của con sông, chúng tôi cho thuyền rẽ ngang qua một cánh đồng toàn cây xanh ngắt. Đom-đóm từng đàn, trong đám cây bay ra ánh sáng giọt xuống mặt nước im lặng không tí sóng, trong như muôn nghìn ngôi sao lấp-lánh.

Đêm đã khuya. Chúng tôi quay thuyền ra về. Các nhà ở hai bên bờ sông đều ngủ yên cả, chỉ còn loảng thoảng mấy ngọn đèn của người đi soi cua, soi ghẹ dọc theo mé sông leo-lết trong khoảng đêm trường.

Trăng càng sáng tỏ. Bạn tôi xúc cảnh đọc rằng :

*Trăng cũng vì ai trăng dãi sáng,*

*Tôi đọc tiếp :*

*Trăng vì có chị lại thêm xinh ;*

*Nước non nhờ lấy đêm này nhé !*

*Nước chảy, non cao, cảnh với tình.*

Đọc xong, chúng tôi cùng vui cười. Sự làm thơ đối với chúng tôi không phải là một sự dễ-dàng, thế mà nay trong lúc đêm thanh, giữa làn nước lặng, cảm quá, bỗng dựng buột miệng nên thơ ; thơ ấy, chấp nối mà thành, tuy nó không hay ho gì đó, nhưng đối với chúng tôi nó là chuyện hay bay, đáng làm cái kỷ-niệm vui vui trong cuộc du-lich của đời học trò.

Bạn tôi sở-dĩ có câu : « Trăng cũng vì ai trăng dãi sáng » là bởi mấy đêm trước trăng thường mờ mờ ; lại nữa, sáng hôm nay, trời lại dầm mát luôn, nên ý bạn tôi muốn nói : Buổi sáng đi chơi, trời đã vì ai mà dầm mát, tối lại chơi trăng, trăng cũng vì ai mà sáng tỏ, huống bạn tôi là người ở Phủ-quốc đã lâu, thì trong mọi cuộc đi chơi há lại không vì ai là khách lạ mà làm hướng-đạo hay sao ? Vì thế mà trong câu ấy mới có chữ « cũng », chữ « cũng » là hàm có nghĩa ấy : lời thật mà ý kín, đáng yêu.

Hôm đã khuya quá rồi mà chúng tôi còn liếc mãi, chưa đành dứt về ược. Mới ghé lại bên cồn một lúc lâu nữa, cũng nhau chạy đuổi bắt con dãi-trăng. Lại Ban đêm chúng nó chạy chậm và dễ bắt lắm, bắt dãi-trăng rồi lại đuổi sông. Giỡn chán lại ngồi nói chuyện. Thật không còn gì thú bằng ở chỗ menh-mông trời nước vài người tri-kỹ bên câu chuyện văn-chương buông thả mắt ở chỗ tuyệt vời trong khoảng bóng trăng làn sóng, nào có biết đâu trong đời còn có chuyện đáng bực mình.

(Còn nữa)

MỘNG-TUYẾT

Nữ học-sinh Tri-dức-học-xá Hà-tiên



# VIỆT-NAM TÔ-QUỐC TUY-NGÔN

## 越南祖國粹言



XVI

- 823— Đánh rắn phải đánh cho rập đầu  
824— Đánh đòn không so gậy (2). [(1).  
825— Đa hư bất như thiểu thực (3).  
826— Đánh trống qua cửa nhà sấm (4).  
827— Đèn nhà ai nhà ấy rạng (5).  
828— Đi cầu nào biết cầu ấy (6).  
829— Đói thì rau, đau thì thuốc (7).  
830— Được làm vua, thua làm giặc (8).  
831— Đa nhân-duyên nhiều đường  
phiền não (9).  
832— Đánh chó không ngó chúa (10).

1) Đây là lấy việc đánh rắn để ví với cách trừ kẻ gian. Kẻ gian là kẻ có trí-khôn sức mạnh. Trừ kẻ gian phải trừ cho đến nơi đến chốn, nếu làm dở-dang mà bỏ thì kẻ ấy tất sẽ báo-thù lại mà mình bị nguy. Cũng như rắn có uọc độc ở răng và đầu, đánh rắn phải đánh rập đầu trước. Nếu không thì nó sẽ cắn lại, uọc độc truyền vào mình mà bị hại.

2) Đòn, gậy là những cái đồ bằng gỗ hay là bằng tre dùng để đánh nhau. Đánh đòn là lấy đòn hoặc lấy gậy mà đánh nhau. Câu này là chê kẻ đi tranh đấu không biết liệu sức mình, ous đồ khi-giới của mình kém mà cũng đánh thì thua là phải.

3) Đa hư bất như thiểu thực 多虛不如少實 = Nhiều mà là những cái hư cả thì không bằng ít mà là những cái thực. Đây là lời ngạn của Tâu, ý nói phải nên vụ-thực.

4) Đây là lời ví để chê kẻ không biết xét mình, mà hay khoe tài với người tài-giỏi hơn mình mà mình không thắm vào đâu. Không khác gì tiếng trống tuy to đến thế nào, cũng không thắm vào đâu với tiếng sấm, thế mà có kẻ dám đem qua cửa nhà sấm mà đánh để khoe trống của mình to, thì có ngu không.

5) Mỗi nhà một tình-cảnh, tình-cảnh nhà nào thì chỉ có người trong nhà ấy mới hiểu thấu được. Người nhà khác không thể nào biết tường. Thế cũng như đèn nhà ai thì nó chỉ rạng soi được cho nhà ấy, không bao giờ đèn nhà này lại rạng soi được cho nhà kia. Vậy không nên vội xét đoán việc riêng của nhà người.

6) Đường đi thường có cái cầu, mỗi cái cầu vũng-vàng hay là treo-leo đều không giống nhau. Cũng như mỗi người một cảnh-ngộ, mỗi cảnh-ngộ khó-khăn hay là hạnh-thần đều khác nhau. Vậy ai đã qua cái cầu nào thì biết được hiện-trạng của cầu ấy, cũng như ai xử vào cảnh-ngộ nào mới biết được chân-tinh của cảnh-ngộ ấy, không nên nhất-khải trách người ta sao không làm như thế nọ như thế kia.

7) Lấy thuốc chữa đau ví với rau chữa đói, cho biết cái cách chữa đói không gì bằng rau. Vậy thì đau cũng không đủ sợ, chỉ sợ không chịu kiếm thuốc chữa đi mà thôi.

8) Vua là đấng chúa-tể, giặc là kẻ tàn-bạo, nghĩa thì vẫn như thế. Song xét ngay như cuối đời Lê, Quận Hèo nổi lên đánh Trịnh mà Hèo thua thì Trịnh gọi Hèo là Hẹ-tặc mà Nguyễn Huệ cũng nổi lên đánh Trịnh, Huệ được thì người ta tôn Huệ là Quang-trung Hoàng-đế, mà Huệ cũng lại gọi Trịnh là giặc. Thế là hai nghĩa ấy lại theo cái thế được thua mà thay đổi, không thể cứ câu-nệ ở chỗ danh-biêu bề ngoài.

9) Nhân là bởi, là nguyên-do. Duyên là lan rộng ra. Vậy nhân-duyên tức nghĩa là nhân việc nọ mà lan ra việc kia. Nhân-duyên là thuyết của đạo Phật, trở về việc luân-hồi sinh-tử của đời người. Thế-tục nhân thuyết đó mà dùng để trở về việc trai gái gặp gỡ tạo nên ái-tình. Ý câu này nói ái-tình là cái hay làm phiền-não cho người ta. Vì nó hay sinh rắc-rối không cho người ta được phi-nguyện mấy khi. Thế thì kẻ nào càng nhiều nhân-duyên về ái-tình bao nhiêu, càng thêm nhiều đường phiền-não bấy nhiêu. Vậy đa-mang lấy cho nhiều phỏng có thú gì?

10) Chó đều có chủ nuôi của nó, con chó nào có lỗi với người ngoài, thì bảo chủ nó biết mà trừng-trị nó. Nay không bảo gì cho người chủ có con chó ấy biết mà đánh nó trước mặt người ấy, coi như không trông thấy, thế là trái lẽ giao-tế, sẽ sinh sự lỗi-thói. Suy ra đối với kẻ đầy tớ của ai, chúng có điều gì lỗi, phải bảo cho chủ chúng biết, chớ nên nóng nảy đánh mắng ngay để người chủ chúng sinh bất-bình.

\* \*

833 — Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ (1).

834 — Đọc đường cho mọi ăn trộm trâu (2).

835 — Độc-được khổ-khầu lợi ư bệnh (3).

836 — Được tiếng khen, ho hen chẳng còn (4).

837 — Đường quang chẳng đi, đi đường rậm (5).

838 — Xem hội đi cho đến chùa (6).

839 — Đi sang nước Lào, phải ăn mắm ngóe (7).

840 — Đo sông đo bề để đo lòng người (8).

841 — Được mối hàng, mẹ chẳng nhường cho con (9).

842 — Được chim bẻ ná, được cá quên hom (10).

1) Già là người từng-trải, đã đi nhiều nơi đã biết nhiều việc, cho nên đi ra ngoài nên hỏi người già. Trẻ con còn tính tự-nhiên, thực-thà không biết nói dối, cho nên đi đâu về nên hỏi dò trẻ con ở nhà có sự gì nó nói ngay cho biết.

2) Câu này là lời ngạn trong Trung-kỳ. Mọi là giống người thỏ-mán ở thượng-du Trung-kỳ, chúng hay tìm vào các làng người kinh ăn trộm trâu. Câu này để ví với người vô-ý bỗng bực-bạch việc kín của mình ra cho kẻ vốn dinh làm hại mình biết, cũng như vô-ý nói rõ đường lối cho Mọi biết để nó vào ăn trộm trâu của mình. Thế là ngu.

3) Độc-được khổ-khầu lợi ư bệnh 毒藥苦口利於病 = Thuốc đắng khó uống nhưng mà lợi cho bệnh. Lời ngạn của Tàu. Câu thuốc đắng đỡ lặt là dịch ở đây ra.

4) Đây là răn kẻ hay hám hư-danh mà bỏ mất cả thực lợi. Tiếng khen đây là lời của ngu-tục khen, khen ma to giỗ lớn, khen được phẩm-hàm, cổ khạo to. Những lời khen đó không có nghĩa gì chính-đáng. Người ta ở đời có làm được công ơn gì có thực ích-lợi cho

xã-hội mà xã-hội khen lao mới quý; còn bỏ tiền của mua danh, hoặc mở đám to thì có khó gì mà xã-hội được ích gì. Vậy lời khen đó là hảo-huyền. Song làm cho được những tiếng khen hảo-huyền đó, phải hại của, cố gắng mà làm thì hết cả tài-sản. Tài-sản hết thì nghèo đói, mà nguy đến tính-mệnh, cho nên nói ho-hen không còn.

5) Đây là kẻ kẻ không biết theo cái lẽ bình-dị chính-dáng mà làm, lại hay làm những điều gian-hiềm kiêu-hãnh, thì không khéo có ngày vướng mắc chông gai, như đi vào đường rậm sẽ bị nguy hiểm vậy.

6) Đi xem hội chùa, có đến chùa mới biết được sự vui-thú của hội. Nhờ cái lòng ham vui thú nó thúc-giục, không ai đi xem hội đã đi đến nửa đường mà trở lại được bao giờ. Vậy suy ra mọi việc, muốn biết sự thực việc gì, phải đạt cho tới chỗ cùng của việc ấy mới được. Và làm việc có đạt được mục-dịch mới được hưởng cái chân-thú của sự thành-công, cũng như có đến chùa mới được hưởng cái chân-thú của sự xem hội.

7) Nước Lào có thứ mắm làm bằng ngóe đề nguyên cả con. Ta trông thì tươm mà ăn thì không biết ngon. Nhưng người Lào thì coi là một thực-phẩm rất quý, mắm ngóe rượu cầu, tiệc lớn mới có. Khi xưa người ta sang Lào, người Lào quý-trọng, thiết tiệc thưởng có rượu cầu mắm ngóe. Người ta không ăn quen, nếu ăn vào thì kinh mà khước đi thì vô-lẽ. Muốn trọng lễ-ngĩa, hậu giao-tình, thì ta cũng phải tòng tục mà ăn mắm ngóe, cho nên có câu này. Vậy câu này đề khuyên người đi xứ khác, dù văn-hóa xứ ấy còn kém mặc lòng, tới đâu phải tùy tục đó để trọng lễ-ngĩa, hậu giao-tình với người

xứ ấy. Còn nghĩa tục thưởng vẫn dùng, thì khác nhất là đàn bà khi bị khuất-phục một điều gì mà lòng không thỏa thì nói: « *Tôi cũng nghĩ đi nước Lào ăn mắm ngóe cho nó xong đi thì thôi* ». Thế thì nghĩa ăn mắm ngóe ấy lại là bị khuất mà chịu kém nước, chứ không phải là vì chiều theo lẽ-tục để tỏ ý hậu-tình.

8) Ý nói lòng người ta hiểm sâu hơn sông hơn bể, cho nên có thể đo sông đo bể mà biết được sâu nông bao nhiêu, chứ ai hay lượng mà biết đích được lòng người thật giả ngay gian thế nào.

9) Đây là lời nhà hàng nói cho khách biết rằng giá chưa đến giá. Hàng đã được giá, nhà hàng không bao giờ bỏ qua. Vì chỉ lăm-le chờ được giá thì bán mà thôi. Cho nên đã được giá thì dù hai mẹ con liễn hai ngôi hàng, mẹ cũng không nhường để mỗi hàng mà khách mua đã được giá ấy sang cho hàng con. Bởi vậy nhà hàng bèn đem cái tâm-lý chân-tình ấy bảo cho người khách mặc cả mỗi hàng đó biết là chưa được giá. Đại ý nói: « Chưa được giá, chứ nếu được giá rồi thì mẹ cũng không nhường cho hàng con, nữa là tôi đại gì không bán cho ông mà để ông đi mua hàng khác cũng giá ấy ». Nói thế là vừa giữ khách lại, lại vừa ép khách trả thêm, câu nói ra ý thực-thà mà thực rất khôn ngoan.

10) Ná là cái nỏ để bắn chim. *hom* là cái dây ở miệng thời miệng dó cho cá vào được mà không ra được. Đây là nói kẻ nhờ về nghề ấy mới được lợi-dạt, lợi-dạt rồi thì vội quên mà khinh bỉ ngay cái nghề cũ ấy không thèm nhìn đến nữa. Thế cũng như kẻ nhờ ná mà bắn được chim, kẻ nhờ *hom* mà đơm được cá, khi được rồi thì



quên mà bỏ ngay hai cái khi-cụ đã giúp mình được việc kia, thật là bạc-bẽo với bản-nghệ. Nhiều người lái buôn nhờ sự buôn-bán mà giàu có, được chức ông Bát ông Hàn. Đáng lẽ họ càng mở-mang tìm-tòi thêm cho nghề buôn càng phát-đạt mới phải. Thế mà họ được giàu có, được là ông Bát ông Hàn rồi thì quên ngay nghề buôn, không muốn nhờ là do nghề buôn mà làm nên, lại muốn khoe mình vốn là giòng trưởng-giả. Ấy nghề-nghiệp của ta không phát-đạt là vì thế.

Lại một nghĩa là kẻ nhờ đồng-chí, nhờ phường-bạn giúp cho làm nên sự-nghiệp, rồi thì quên cả đồng-chí hoặc phường-bạn ngay. Lại thường không những quên mà lại còn xử tệ nữa, xem những nhà đế-vương xử với những người công-thần đời xưa thì biết. Cho nên những câu như: « Ngựa già trâu mỗi » như « thổ rừng hết, chó săn mờ ». ở sử Tàu cũng đều về ý này. Ôi, thế-tinh đen bạc!

843— Đương đi hay lối, nói dối hang cùng (1).

844— Đàn ông như nước, rửa ai người ấy sạch (2).

845— Đói trẻ chớ vội lo, giàu trẻ chớ vội mừng (3).

846— Đói ăn rau má, chớ ăn bậy-bạ mà chết (4).

847— Được mùa thì chớ cơm hăm, mất mùa thì làm cả cơm thiêu (5).

848— Được mùa buôn vải buôn vóc, mất mùa buôn thóc buôn gạo (6).

849— Được miếng mỡ nhâm miếng mỡ, được miếng nớ nhâm miếng nớ

850— Đã từng ăn bậy bát đầy, [(7).

Đã từng nhịn đói bảy ngày không cơm (8).

851— Đàn ông nông nổi giếng khơi, Bàn bà sáu-sắc như coi đưng giã

852— Đi đâu mà chả ăn đe, [(9).

Đến khi hết của ăn dè chẳng ra (10).

1) Kẻ nói điều không thực thì không lấy cớ đâu mà trả lời cho thông mãi được. Cũng như dương đi, tuy kẻ đi muốn đi mãi cho tới nơi, nhưng không bao lâu đã hết ngày bị tối không đi được nữa, mà phải ngừng lại. Cho nên khi nào mình ngờ việc gì là nói dối thì cứ hỏi vặn mãi, là kẻ nói ấy phải cùng không chối được nữa, mà thôi sự gian ra. Đây là cách để xét sự nói dối, không gì bằng cứ hỏi vặn.

2) Người đàn bà con gái dù mang tiếng xấu trắng-hoa thế nào, mà khi có chồng rồi thì người đàn bà con gái ấy cũng được có thể-diện, người ta không ai còn kể đến cái tiếng xấu kia ra nữa. Cho nên nói đàn bà con gái bị tiếng xấu như người bị hần-thiếu, thì người đàn ông như nước có thể rửa đi cho sạch được ngay.

Lại còn câu: « Đàn ông như nước, đàn bà như dơ » cũng về nghĩa này. Đó là khuyên người đàn ông không nên quá nghiêm-khắc mà bỏ hoài mối những người đàn bà có tài sắc, mà chẳng may lỡ-làng bị mang tiếng xấu. Và cũng khuyên người đàn bà không may ấy biết tu-tĩnh lại mà lập được thất-gia, thì tự rửa sạch được vết dơ bẩn kia đi.

3) Thời-kỳ thiếu-niên là thời-kỳ quan-hệ của một đời người. Hay hay là dở đều tự mình và đều ở về lúc đó. Tuổi còn trẻ bị cảnh nghèo đói, nếu biết tự-lập mà cố chí làm ăn thì có thể làm nên giàu có được. Tuổi còn trẻ gặp cảnh giàu có, nếu không chịu tu-tiến mà lười-biếng, thì sẽ bị nghèo đói đến nơi. Thế cho nên khuyên bạn

thiếu-niên chớ thấy đói trẻ mà vội lo, giàu trẻ mà vội mừng. Đời người còn dài, cái hay cái dở đều tự mình làm ra.

4) *Rau má* là tròn bằng đồng tiền, mọc man ở mặt đất, nơi bờ ruộng, mùi hơi cay mà thơm, vị ngon dễ ăn và lành, ăn nhiều không hại ti-vị. Lúc mát mùa đói kém người ta hái rau má thổi lẫn với cơm hoặc luộc mà ăn cho đỡ bữa. Ngày thường thì muối lẫn với rau khác làm dưa, có hương-vị dễ ăn, Thực là thứ rau có ích không phải trồng. Khi đói kém quá người nghèo hay ăn liều, gặp rau củ gì cũng ăn, miễn đầy dạ dày thì thôi. Nhưng có nhiều thức rau củ ăn vào hao người lắm. Cho nên câu này răn người ta biết mà dùng để cứu-cơ cho khỏi nguy-hiểm về sự ăn liều bậy-bạ.

5) *Cơm hằm* là cơm thổi bằng gạo của một thứ thóc để đã lâu năm, vị kém ngon, chất kém bở. *Cơm thu* là cơm thổi đã cách bữa, vị biến mà chất hư nát, ăn vào có độc. Đây là chẻ cái tinh bèn, lúc thừa-thãi thì kiêu-xa phí của, lúc thiếu túng thì liều-lĩnh làm xằng.

6) Nói về cách tùy-thời đầu-cơ của nhà buôn

7) *Nhằm* là trông nhìn vào đó, chắc tin vào đó. *Mô* là đầu, nào. *Nở* là ấy. Nghĩa là chỉ nên chắc ở cái miếng ăn mà mình đã làm được rồi đó, chứ

không nên tham bong-bóng mà bỏ bọng trâu.

8) Nói đã trải qua cả những cảnh cực phú-hậu, cực bần-khốn.

9) *Giếng khơi* là giếng đào sâu đến mạch để lấy nước. Nói bản-tính đàn ông thâm-trầm bí hiểm, bản-tính đàn bà nóng-nổi dễ-dãi. Thế cho nên khi hai người đàn ông với đàn bà có việc xử-tri với nhau mà phải dùng mưu, thì người đàn ông nào đó có tiếng là nóng-nổi cũng còn thâm gắp mấy người đàn bà nào đó có tiếng là rất sâu-sắc. Đây là lời người đàn bà lấy tính phổ-thông của hai bên mà tự phản-nản cho mình bị thua cơ người chồng hoặc tình-nhân. Nhưng thế-gian thiếu gì đám « *thấp cơ thua trí đàn bà* », thì biết trong chỗ phổ - thông cũng có nhiều cái đặc-biệt không nhất-định được.

10) *Ăn dè, ăn dè* đều là cố ý ăn ít đi để còn thừa để dành, tức là cách hà-tiện. Nhưng người này lúc có nhiều của thì không biết ăn dè mà để dành. Khi hết của rồi mới biết hối, mà ăn dè thì đã muộn rồi; vì những sự cấp-dụng bây giờ còn không đủ, thì còn lấy đâu mà để dành. Cho nên ở đời việc gì cũng phải dự-bị từ khi chưa xảy đến.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CÁI VÀ ĐỒ-NAM



# THUYẾT HÌNH-DANH CỦA HÂN PHI (1)



## II

Đời nay kẻ thấy người bắt nạt anh em mình mà đánh giết cho hả giận thì được tiếng khen là « liêm », kẻ thấy người làm nhục bạn mình mà ra sức báo thù họ thì được tiếng khen là « trịnh », thế là muốn được cái tiếng kìa là liêm hay trịnh, thì tất phải phạm vào pháp-luật của nhà-nước. Người trên chuộng cái đức liêm-trịnh mà quên cái lỗi phạm phép, nên dân-chúng sinh cây khô mà quan-lại khó làm việc. Kẻ không làm-lụng khó nhọc mà có cơm ăn áo mặc thì gọi là người tài, kẻ không có công chiến-trận mà được quyền cao chức trọng thì gọi là người hiền, thế là người tài người hiền càng nhiều thì nước lại càng nghèo, quan-lại càng yếu. Người trên chuộng cái tiếng hiền-tài mà quên cái vạ dân nghèo nước yếu, nên dân chằm sửa đức riêng mà lợi chung của nước ngày một kém đi. Bọn văn-sĩ phá pháp-độ bằng văn-chương, bọn hiệp-sĩ phạm pháp-luật bằng võ-lực, mà đều được người trên tôn-trọng, thì trách gì thiên-hạ chẳng loạn.

Nước Sở có kẻ tự-phụ là người thẳng, thấy cha ăn trộm dê mà ra tố-giác với quan, quan lệnh-doãn làm lợi người cha ; còn đứa con qui-hóa ấy thì vì cố muốn trung với nước tất phải thất-hiệu với cha, nên chẳng những không phải tội, mà lại được thưởng.

Một người dân nước Lỗ theo vua ra trận, ba lần tiến sang mặt trận quân địch đều chạy lùi về. Ông Khổng-tử hỏi tại sao mà lùi về, thì anh ta đáp là vì nhà có cha già, nếu mình chết thì không còn có ai nuôi nữa. Ông Khổng-tử khen anh ta là người có hiếu, bèn tiến-cử cho làm quan.

Bởi thế, nên quan lệnh-doãn không làm tội dựa con bất-hiệu mà nước Sở đỡ nạn trộm cắp, ông Khổng-tử trọng thưởng đứa con có hiếu mà dân Lỗ ra trận hay chạy lùi. Cái sự lợi-ích của nước với nhà khác nhau là thế đó. Nay muốn lấy đức tốt riêng của một người để làm phúc lợi chung cho cả nước, chẳng cũng khó lắm sao !

Ngày xưa, ông Thương-Hiệt đặt chữ, vòng khoằm lại một cái gọi là chữ riêng, vòng trái lại với chữ riêng gọi là chữ chung. Thế là cái lợi-ích chung riêng uó trái ngược hẳn nhau, ông Thương-Hiệt ngày xưa cũng đã biết rồi; nay lại bảo hai đảng giống nhau thì thật là sai lầm quá.

Kẻ chém đầu quân giặc thì được thưởng mà kẻ nhàn-từ lại cũng được tiếng khen. Kẻ phá thành cướp đất thì được tước-lộc mà kẻ có nét thanh-liêm cũng được tin-nhiệm. Phòng giữ đất nước nhờ về đồ binh sắc áo giáp dày, mà lúc thường lại chuộng những hạng cao mũ dài áo. Làm giàu cho nước nhờ bọn nông-phu, chống chọi

(1) Xem Nam-Phong số 196.

địch-quân như về quân-linh, mà lúc thường lại qui những người chữ tốt văn hay. Lúc nước nhà vô-sự thì tôn-trọng bọn văn-sĩ hiệp-sĩ mà lúc quân địch kéo đến lại dùng kẻ mặc giáp đeo gươm. Cái người được lợi không phải là người cần dùng, mà cái người cần dùng lại không phải là người được lợi, thực-nghiệp ngày càng suy mà du-thủ ngày càng nhiều là vì thế, đời loạn cũng là vì thế.

Vả lại, đời nay, những kẻ có nết trình-tín thì được tiếng là hiền, những kẻ hay nói cao xa thì được tiếng là khôn. Ôi ! Những lời nói cao xa là cái mà hạng người thông-minh cũng còn khó hiểu, nay đem những câu hạng người thông-minh không thể hiểu rõ mà làm mẫu cho bọn dân thường thì chúng còn hiểu làm sao được. Phải biết rằng : Những hạng người rau cháo cũng chẳng được no thì không bao giờ họ ước-ao những miếng cao-lương, những hạng rách-rưới suốt đời thì không khi nào họ mơ-tưởng đến những hàng gấm vóc ; những cái cần đề trị nước yên dân mà còn chưa đủ thì những cái không cần đâu nhiều cũng chẳng ích gì. Nay những chính-lệnh thi-bánh, những sự lợi-hại ở dân-gian, là những cái ai ai cũng cần biết, thì không toấy nói, mà chỉ bàn những chuyện viễn-vọng khó hiểu, thế là lời nói với việc làm trái nhau. Cho nên tôi bảo : Những lời nói cao xa không phải là vật cần dùng của dân-chúng.

Còn như muốn có những nết hiền, lương, trình, tín, thì tất phải tìm đến những hạng người rất thật-thà. Những hạng gọi là người thật-thà ấy không phải là họ có tài-giỏi gì đâu, chẳng qua phương "áo vải" đánh bạn với nhau, không có lợi-lộc để kết-nạp lẫn

nhau, không có uy-quyền để áp-chế lẫn nhau, thì phải cần dùng đến cái đức thật-thà đó thôi. Đến như những kẻ cầm quyền chính-trị trong một nước, uy-quyền có, bổng-lộc có, có thể lấy quyền thưởng phạt mà giá-ngự nhân-tài, đâu có những kẻ gian-ác như Tử-Hãn Điền-Thường cũng không đủ sợ, thì còn cần gì đến hạng người thật-thà nữa. Bởi vậy, những bậc quốc-chủ khôn-khéo, chỉ cần pháp-lệnh nghiêm mà không cần người khôn, chỉ cần quyền-bình vững mà không cần người tín, nên phép nước không rối nát mà kẻ dưới cũng không gian-dối vào đâu được. Phái quân-chủ đời nay lại không thế, về phần lời nói thì chỉ chuộng lém lỉnh mà không xét đến chỗ đúng lẽ hay không, về phần nết-na thì chỉ chuộng hư-danh mà không xét đến chỗ thực-tế có ích hay vô-ích. Bởi vậy, khắp trong thiên-hạ, nhà ngôn-luận đều đua nhau về lối nguy-biện mà không chú-ý đến chỗ thực-bản, nên những kẻ dẫn cổ-tích nói nhân-nghĩa ngời đầy trong triều mà việc nước vẫn nát bét ; kẻ tu-thần đều đua nhau về tiếng thanh-cao mà không ích gì cho phần thực-dụng, nên những hạng ăn-sĩ không chịu làm quan năm đầy trong núi mà binh-bị của nhà nước ngày càng yếu đi. Cái cơ làm cho chính-sự nát, binh-bị yếu đó, có gì là khó hiểu đâu, chính là tại những cái mà xã-hội khen ngợi, quốc-gia tôn dùng, toàn là những cái có hại cho nước cả.

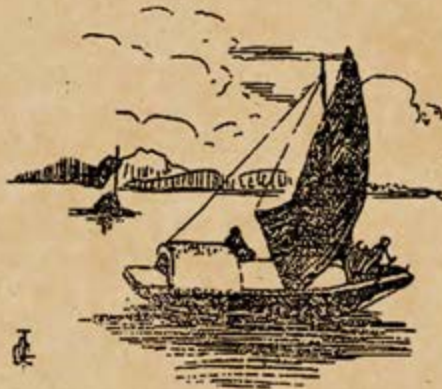
Dân trong nước đều thích học về khoa chính-trị, sách của Quản-lữ Thương-quân không nhà nào không có, thế mà nước vẫn nghèo, là tại người bàn việc canh-nông thì nhiều, mà người tay cầm cây bừa thì ít. Dân trong nước đều chăm học về phép dụng binh, sách

của Tôn-tử Ngô-tử không người nào là không thuộc, thế mà binh-bị vẫn yếu, là tại người nói binh-pháp thì thừa, mà người cầm gươm giáo thiếu. Bởi vậy, nên những bậc quân-chủ khôn khéo, không ưa kẻ nói khéo mà chuộng kẻ có thực-tài, trọng kẻ có ích mà căm sự vô-dụng, thì tự-nhiên dân phải gắng sức làm việc ích lợi cho nước. . .

Đại-dễ cái phép trị nước, cần phải làm cho những dân «ngồi đợi ăn không» chiếm số ít và chịu tiếng hèn, khiến dân-chúng bỏ những sự vô-ích mà chăm về nghề căn-bản. Đời nay, sự thĩnh-thác thịnh-hành mà chức-tước có thể mua được, thì những hạng du-thủ du-thực không phải chịu tiếng hèn nữa; hàng-hóa gian-lậu cũng được đem bán ở chợ, thì số người đi buôn tăng ngày một nhiều ra; làm nghề cho vay nợ lãi dễ hút máu nông-dân mà được sung sướng về-vang hơn kẻ nông-phu chiến-sĩ, thì bọn cho vay nặng lãi

ngày càng nhiều thêm mà hạng người thanh liêm lại càng ít đi. Bởi vậy, những nước suy loạn, kẻ học-giả thì mượn tiếng nhân-nghĩa để phá-hoại pháp-độ hiện-thời; kẻ ngôn-luận thì mượn thế-lực mà nói dối để cầu lợi riêng, còn sự lợi hại của nước nhà thì không nghĩ đến; kẻ học võ thì tự dõ dảng, làm sự nghĩa - hiệp để lấy tiếng khen mà không hề kiêng nể pháp-luật của nhà nước; kẻ tội tở nấp bóng những nhà quyền-quí, thì ăn của dút lót, cướp công-lao của kẻ chạy mướn bỏ-hỏi mà ban thưởng cho kẻ nhiều tiền; kẻ làm thợ, kẻ đi buôn, thì chuyên chế những hàng giả dối, hoặc buôn những thức xa-xỉ, kim hàng đợi giá, bắt bị bọn nông-dân mà lấy lời; ấy năm hạng người ấy đều là sâu mọt của nước cả đấy. Những kẻ cầm quyền-bình trong một nước nên biết trừ-kử năm thứ dân mọt ấy đi.

Kiểm-Hồ



# — ≡ ĐỜI SÚNG ĐẠN ≡ —



Một truyện trinh-thám mạo-hiềm hồi Âu-chiến (1)



II

Mạch-Hải sau khi giết người nhà quê, lại hết sức chạy sang cương-giới Hà-lan. Được một lúc thì kiệt sức quá, tưởng chừng đến đứt hơi, không thể chạy được nữa, đành trốn vào trong rừng để nghỉ một lúc. Không ngờ chỗ ấy lại là chỗ giao-giới của Hà-lao với Đức. Lúc bấy giờ một tên quân canh-phòng của Đức đang bồng súng đứng như tượng gỗ ở đây, chợt trông thấy Mạch-Hải hốt-boảng tự dưng xa chạy đến, rồi lại trốn vào trong rừng, thái độ rất khã-nghi, bèn chĩa súng vào Mạch-Hải toan bắn. May Mạch-Hải trông thấy vôi-vàng nấp vào sau một gốc cây lớn, rút súng lục ra, đoàng một phát, tên quân ngã liền theo tiếng súng.

Mạch-Hải mừng lắm, lại cầm đầu chạy. Chạy được độ mấy trăm bước, thấy đằng trước mặt có một con đường lớn, mà bên kia con đường ấy độ vài chục thước là địa-phận Hà-lan rồi. Mạch-Hải giơ tay lên chân vuốt mồ-hôi, mừng thầm rằng thôi thế là sống sót. Nhưng kỵ-binh Đức đã tể đến sau lưng, Mạch-Hải quay lại trông thấy, biết rằng sống chết chỉ ở trong khoảnh-khắc này, bèn nhắm mắt vào mà chạy như bay.

Lúc ấy, trên cương-giới Hà-lan có một toán quân nhỏ đang đi đi lại lại để canh-phòng. Chợt một tên lính trông thấy Mạch-Hải hộc-tốc chạy đến và một lũ kỵ-binh Đức đuổi theo sau, vôi-vàng chỉ cho mọi người cùng biết. Quân Hà-lan sợ rằng quân Đức tràn sang địa-phận mình, bèn hết thấy giơ súng ra để phòng giữ. Một lúc Mạch-Hải chạy đến, vừa đặt chân sang địa-phận Hà-lan thì năm lần ra thở hồn-hồn, không sao dậy được nữa. Quân Đức cũng kế-tiếp đến nơi, đều nhẩy xuống ngựa toan bắt Mạch-Hải thì quân Hà-lan ngăn lại và bắt phải đi ra khỏi địa-phận Hà-lan ngay lập-tức. Quân Đức nói :

— Người này là một tên tù-binh rất trọng-yếu của nước tôi, nó đã giết người vượt ngục rồi chạy đến đây, chúng tôi phụng-mệnh đi đuổi bắt, các anh việc gì lại ngăn cản ?

Mạch-Hải nằm ở dưới đất vừa thở vừa nói :

— Tôi là người Mỹ... các anh đừng cho... cho chúng nó bắt.

Quân Hà-lan nghe nói bèn quay lại nghiêm-nghi bảo quân Đức :

— Công-pháp của vạn-quốc không cho một nước chiến-tranh nào được

(1) Xem N. P. từ số 197.

ào nước trung-lập, mà bắt người. Nay nước chúng tôi là nước trung-lập, mà người này là quốc-sự-phạm, các anh quyết không thể nào bắt đem đi được.

Quân Đức không biết làm thế nào, lãnh hạm-hực lên ngựa trở về.



Hoa-kỳ bấy giờ đã gia-nhập với các nước Đồng-minh mà cùng nước Đức tuyên-chiến.

Một hôm, Lê-Ti đang ngồi ở bàn giấy trong phòng làm việc, chợt thấy ở trong đám giấy má các nơi gửi đến có một cái phong-bì khác thường, ngoài đề: Ông Khắc-Tur, 303 đường Cáp-não. Không đề tên người gửi, Lê-Ti bóc ra xem thì lời trong thư rất là bí-ẩn khó hiểu:

*Ông Khắc-Tur,*

*Tôi biết hết những tướng-tính bí-mật. Tôi đã biến thành một quyển sách bằng dấu-hiệu riêng. Thìa khóa của những bí-mật ấy ở trong phép nấu ăn dưới lò bếp. Mời ông lại chơi nói chuyện.*

*Viết ở 222 đường Mặc-dịch-lớn.*

**TÀI ĐẾ MINH**

Lê-Ti xem xong, biết rằng trong đó có lời ẩn-ngữ quan-hệ, bèn cầm sang phòng giấy Khắc-Tur định đưa cho Khắc-Tur bức thư lạ-lùng ấy. Vừa đi đến cửa phòng chợt nghe trong phòng có tiếng hai người nói với nhau, rõ-ràng là tiếng Khắc-Tur và tiếng một người Đức. Lê-Ti ngạc-nhiên, nghĩ thầm rằng Khắc-Tur sao lại làm bạn với người Đức? Thật là một sự quái-lạ. Nàng bèn dừng bước, ghé tai vào cửa nghe xem hai người nói những gì thì vừa lúc người Đức nói lớn:

— Thi-Đế-Minh à? Anh ta rất trung-thành với tổ-quốc, đừng nghi-ngại.

Có tiếng Khắc-Tur vội-vàng ngăn lại:

— Chết, anh nói sẽ chết, tai vách mạch rừng....

Thế rồi hai người thi-thào nói chuyện với nhau, tiếng nhỏ quá không thể nghe rõ. Một lúc người Đức đứng dậy cáo-từ. Lê-Ti biết rằng hai người tất sắp ra, vội-vàng nấp vào con đường ngách, ghé mắt ra nhìn, thấy cánh cửa mở, Khắc-Tur tiễn người Đức ra rồi lại vào đóng ngay cửa lại. Lê-Ti trù-trừ một lúc quyết không vào nữa, trở lại phòng làm việc ngồi chờ trên ghế cần mồi ngâm-ngẫm. Một đám mây ngờ-vờ-vẩn trong óc Lê-Ti, khiến cho Lê-Ti không khỏi lấy làm lạ cho sự đã thấy vừa rồi. Lê-Ti nghĩ thầm: Khắc-Tur thân làm chánh sở trinh-thám sao lại cùng với người Đức vãng-lai, cử-chỉ gian-đối bí-mật, biết đâu lại chẳng âm-thông với quân địch, cam tâm làm đồ bán nước? Nếu quả thế, Lê-Ti quyết khám phá cái gian này để bảo-vệ cho quốc-gia. Lập chí đã định, nàng quyết đề ý đến mọi cái hành-động của Khắc-Tur để làm bước đầu cho đời trinh-thám của nàng.

Thế là từ đấy, viên chánh trinh-thám Khắc-Tur đã bị con mắt của nhà nữ-trinh-thám Lê-Ti ngắm-ngắm dò xét.



Hôm sau, Mạch-Hải về Nữ-ước. Mạch-Hải kiều-cư ở Pháp đã lâu, nên họ-hàng thân-thích ở Mỹ không có mấy. Gia-dĩ hàng ngày say đắm về rượu, chất rượu làm tổn-thương đến óc nên thần-trí hôn-mê như người mất hồn. Lên đến nơi là đi lang-thang ở ngoài phố, cũng chẳng biết là về đâu, rồi vào ngay hàng rượu ở bên đường mua rượu uống. Rượu say rồi mới lè-nhè hỏi người thu tiền:

— Này, Lôi-Khắc tương-quân bây giờ ở đâu, ông có biết không? Ông có

thề bảo cho tôi biết được không? Tôi có một điều rất bí-mật muốn trực-liếp nói với tướng-quân. Việc này quan-trọng lắm.

Người thu tiền thấy Mạch-Hải say quá bèn ôn-tồn đáp :

— Tôi thực quả không biết, xin ông hỏi người khác.

Chính lúc hai người đang nói chuyện với nhau thì có một tên trinh-thám Đức là Phật-Lai đứng bên cạnh Mạch-Hải, tựa vào cái bàn của người thu tiền mà uống rượu, thái-dộ rất thân-nhiên, thình-thoảng lại liếc mắt nhìn Mạch-Hải. Đến lúc nghe Mạch-Hải nói thề mới lấy ngón tay phải khứa vào trong cốc rượu để làm ám-hiệu cho đồng-dãng. Tức thì một người vạm-vỡ chạy lại vỗ vào vai Mạch-Hải :

— Ông Mạch-Hải! Ông đã về đấy ư? Có còn nhớ tôi không?

Mạch-Hải giương mắt lên nhìn người ấy thì không biết là ai, giơ tay ra bắt và nói :

— Hình như tôi cũng có quen ông, nhưng liếc rắng lâu ngày tôi quên mất. Nay tôi muốn hỏi ông: Lôi-Khắc tướng-quân bây giờ ở đâu, ông có thể cho tôi biết được không?

Viên thám-tử Đức cười, vui-vẻ đáp :

— Lôi-Khắc tướng-quân à? Ông muốn tìm ông ấy để làm gì?

— Tôi có một điều bí-mật rất trọng-yếu muốn nói với ông ta.

— Thế thì được. Tôi với ông ta vốn biết nhau, thình-thoảng vẫn đến chơi luôn, nay ông muốn gặp ông ấy thì tôi có thể đưa ông đến được.

Mạch-Hải nghe nói mừng lắm, nhắc cốc rượu lên uống nốt rồi khoác tay thám-tử Đức cùng đi. Ra đến cửa, viên thám-tử quay lại nhìn Phật-Lai. Phật-Lai giơ ngón tay lên co vào ruồi

ra mấy cái, viên thám-tử hiểu ý sẽ đầu, rồi kéo Mạch-Hải ra, lên xe đi

☐

Trời sấm-sấm lổi. Mưa ào-ào 1 trút nước xuống. Con đường Mặc-dị tòn ở Nữu-ước lúc lấy giờ thật vắng-vẻ. Chỉ có một vài người cưỡi sạt mặc áo to mưa trùm-hụp đủ náu ở dưới mái hiên mà thôi. Khi một chiếc xe hơi chạy như bay đi Cách cái xe ấy một quãng con, n chiếc xe hơi khác theo sau như bó theo hình, chiếc xe trước đến tru của nhà số 222 thì đứng lại, Khắc ở trên xe bước xuống, đẩy cửa đi về. Chiếc xe sau cũng đỗ lại ở đằng x một người con gái mặc áo to màu đen, nhẹ nhàng nhảy xuống. Người con gái ấy? Chắc độc-giã cũ thừa biết là Lệ-Ti.

Lệ-Ti vội bước đến nhà số 22 đứng lại ở ngoài cửa trâm-ngâm n lúc rồi quyết kế mạo hiểm vào tron. Nàng rút súng lục ra cầm ở tay, sẽ m cửa lách mình vào. Đi được mấy bước thấy có một cái thang gác, bèn trèo lên. Lên hết thang có một cái cửa nhỏ Lệ-Ti lại sẽ mở, rón-rén bước vào dựa mắt trông ra bốn bên thì l một cái nhà bếp. Nàng sực nhớ để bức thư của Thi-Đế-Minh nói rằn chìa khóa của những bí-mật chếp bản dấu hiệu riêng ở trong phép nấu ăn dưới lò bếp, nay thử tìm trong cái bếp này may thấy được quyền sách bí-mật ấy chẳng. Nàng dang lục-lọi tìm-tòi, chợt nghe bên kia tường có người nói chuyện, tiếng nói to và rõ ràng, đích là tiếng Khắc-Tư, còn tiếng người nữa chừng là tiếng Thi-Đế-Minh. Lệ-Ti chạy ra ngoài ghé tai vào tường nghe thì thấy Thi-Đế-Minh nói liếp :



— ... Ông dụng ý như thế thật là khéo lắm. Ông có khát không? Tôi có chai nước chanh cất ở dưới bếp, để tôi đi lấy ông xơi.

Lệ-Ti nghe nói chột dạ, biết rằng Thi-Đế-Minh sắp ra, vội-vàng tìm một chỗ kín-đáo để trốn. Chợt thấy bên phía tả nhà bếp có một cái cửa con, nâng mở cửa nháy tót ngay vào cái phòng ấy. Phòng này chỉ cách phòng khách có một cái tường, lại có một cái cửa nhỏ để thông sang. Lệ-Ti nghe bên phòng khách có tiếng giầy cồm-cộp, bèn hé cái cửa ngách thò một nửa mặt dòm sang, thì chỉ thấy có một mình Khắc-Tur đang đi đi lại lại, đầu cúi xuống dốt như đang nghĩ-ngợi. Lệ-Ti sợ Khắc-Tur trông thấy, vội-vàng thụt vào đóng cửa lại, nhưng không ngờ Khắc-Tur đã nhìn vào cái gương lớn ở tường mà trông thấy rồi.

Thi-Đế-Minh tuổi đã ngót 50, đầu tóc hoa râm. Bề ngoài trông chất phác mà bề trong thật là xảo-kiệt. Lúc bấy giờ tự phòng khách ra chạy sang nhà bếp, ngẫm-nghĩ một lúc rồi đến một cái chạn lấy ở trong chạn ra một quyển sách. Quyển sách ấy ngoài đề mấy chữ: "Phép nấu ăn". Thi-Đế-Minh giữ qua một lượt, nhìn ra chung quanh muốn tìm một chỗ để giấu, rồi chạy đến góc tường, lấy ngón tay ấn vào một chỗ, tức thì trên tường hiện ra một cái lỗ vuông đến một thước, Thi-Đế-Minh bỏ quyển sách vào cái lỗ ấy rồi lại ấn ngón tay vào tường, cái lỗ ấy đóng lại, tường lại liền như cũ. Xong đâu vào đấy, Thi-Đế-Minh mới lấy chai nước chanh đem sang phòng khách rót mời Khắc-Tur. Khắc-Tur uống xong, lại đi đi lại lại. Thi-Đế-Minh ngồi trên cái sô-pha, ngẩng lên cười, nói với Khắc-Tur:

— Nơi có một tin tốt ở tổng-bộ đến, ông đã biết chưa?

Khắc-Tur ngạc-nhiên đứng đứng lại:

— Chưa, tin gì thế?

— Có một người Mĩ tên là Mạch-Hải, tù-binh của tổ-quốc ta, mới vượt ngục trốn thoát. Thằng này biết nhiều điều bí-mật lắm, nên nước ta mới vội đánh điện-tín đến bảo phải giết ngay đi để bịt miệng nó lại. Nó vừa đến đây lúc sáng, đã bị đồ-dăng của ta bắt và giam trong hàng rọn Mao-dăng ở con đường Mặt-dặc-nhĩ rồi, đến tối hôm nay là hạ-thủ.

Nói đến đây Khắc-Tur vội-vàng ngăn lại:

— Sao anh trông-trái thế, anh phải biết rằng tướng có tai đấy.

Thi-Đế-Minh liền nín lặng không nói nữa, nhưng trong bụng cho rằng ở trong phòng kín này thì còn lo gì nữa. Có biết đâu rằng tướng ấy có tai thật, mà tai ấy lại là tai Lệ-Ti.

Lệ-Ti nấp ở phòng bên, phàm Thi-Đế-Minh nói gì nàng đều nghe thấy hết thảy. Nàng nghĩ thầm: Mạch-Hải biết được những điều đại-bí-mật của nước Đức thật là một nhân-vật rất trọng-yếu, nếu bị quân địch làm hại thì thật là bất-lợi cho Đồng-minh. Nay Mạch-Hải bị hãm thân ở trong hang hỏ, chỉ có một mình ta biết, cái trách-nhiệm cứu-viện, ngoài ta ra không còn thuộc về ai. Ta phải vì Đồng-minh mà cứu người ấy ra khỏi nơi nguy-hiểm để hết cái nghĩa-vụ người dân đối với nước. Nàng nghĩ thế bèn chạy tuốt xuống cầu thang, ra khỏi cửa, nhẩy ngay lên xe, bảo tài xế mở hết máy chạy như bay đến con đường Mặt-dặc-nhĩ.



Mạch-Hải bị thám-tử Đức dụ đến hàng rọn Mao-dăng, dẫn vào một

cái phòng kín. Ở đây đã có hai ba tên đồng-đảng, đều dùng dũa bắt tay Mạch-Hải làm như là quen biết nhau đã lâu. Chúng lấy rượu thật ngon ra, ngồi quây-quần vào bàn mời Mạch-Hải cùng uống. Mạch-Hải vốn đã say sần rồi, nhưng trông thấy rượu ở trước mắt thì nước dãi lại rõ ra, liền cầm lấy cốc rượu uống thẳng một hơi. Thám-tử Đức vỗ vào vai Mạch-Hải mà cười lớn:

— Lũ chúng tôi đều là bạn tốt của ông cả. Nghe nói ông do-thám được nhiều điều bí-mật của Đức, ông có thể cho chúng tôi biết được không?

Mạch-Hải hàm-hỗ đáp:

— Những điều bí-mật ư? Tôi chỉ có thể nói với Lôi-Khắc tướng-quân được thôi.

— Chúng tôi là tâm-phúc của Lôi-Khắc tướng-quân đây. Ông cứ nói với chúng tôi cũng như nói với Lôi-Khắc tướng-quân.

Mạch-Hải lắc-dầu:

— Không được.

Bọn thám-tử Đức đều nín lặng, rồi ngấm lấy thuốc mê bỏ vào cốc rượu, đưa cho Mạch-Hải uống. Mạch-Hải không ngờ gì, lại uống một hơi hết cốc rượu. Được một lúc thuốc mê ngấm, Mạch-Hải đầu choáng-vàng, mắt tối sầm, gục xuống bàn không dậy được nữa. Lúc ấy Phật-Lai cũng đến. Phật-Lai gọi tên bồi bàn vào đòi tiền rượu Mạch-Hải, Mạch-Hải chỉ giương mắt lên chẳng nói chẳng rằng. Tên bồi bàn tức mình túm lấy ngực Mạch-Hải xách lên rồi lúi sềnh-sệch ném ra ngoài cửa. Bọn Phật-Lai ở bên trong vỗ tay cười âm cả lên.

Một lúc có phái-viên ở tổng-bộ đem mệnh-lệnh của lãnh-tụ đăng lại, hỏi

bọn Phật-Lai đã thi-hành cái án tử-hình của Mạch-Hải chưa. Phật-Lai nói:

— Bọn tôi đã cho nó uống thuốc mê và vứt ra ngoài đường rồi, chỉ nửa đêm hôm nay là phải chết.

Phái-viên nghe nói giật mình, đập mạnh vào Phật-Lai:

— Đồ xuẩn! Sao lại vứt nó ra đường? Phải biết nó là một thằng biết rất nhiều điều bí-mật, nay nếu không giết tất là di-hại về sau. Bây giờ nó nằm lẫn ở ngoài đường, ngộ có người cứu nó thì các anh bảo sao?

Phật-Lai nghe nói rất hổ. Phái-viên liền rút con dao ra đưa cho Phật-Lai:

— Đây! Nó tuy bị thuốc mê nhưng chưa đi xa đâu, đuổi có thể kịp đấy. Anh đi ngay đi. Phải cẩn-thận, đừng có lỡ việc.

Phật-Lai cầm lấy dao, vội-vàng khoác cái áo tơ chạy ù ra cửa.



Lệ-Ti phóng xe đến con đường Mặt-dặc-nhĩ, thấy hàng rượu Mao dăng còn ngổ cửa, nhưng lúc bấy giờ đã khuya, khách-khừa về cả, mà người làm cũng phần nhiều ngủ rồi. Lệ-Ti rón-rén đi vào, trong hàng chỉ còn một ngọn đèn lũng-lẳng ở cái ngõ hẹp mà thôi. Đi qua phòng của bọn Phật-Lai. Lệ-Ti nghe có tiếng người nói bèn ghé tai vào cửa nghe trộm, thì bên trong bàn-tán điều gì, Lệ-Ti đều nghe thấy hết cả. Đến lúc Phật-lai cầm dao chạy ra, Lệ-Ti vội nấp mình vào trong xô tối, rồi rút súng lục chạy theo sau...

(Còn nữa)

Tùng-Toàn dịch

# VĂN = UYÊN

## H THƠ CỎ

Hải-thương Đình-trai tiên-sinh thi-tập

### XI

Năm bính-ngọ bị giáng hồi kinh

Lần ra chưa mấy, lại lần vô,  
Trò trống dẫu mà khéo nhấp-nhó;  
Bảy tám năm nay từng chịu đặng,  
Ba mươi sáu tuổi đã già mờ?

### XII

Khê về sự nghề

Vì cái danh này vậy phải đeo,  
Sinh ra nên-nếp vốn không nghề...  
Giang-sơn vốn kém mười năm chốc,  
Tiền bạc tiền pha một cái vèo.  
Lợn lừa anh em tìm đã mỗi,  
Vườn ao ruộng đất quày đi theo;  
Ngạ-nần lẽ có dẫu dẫu mãi,  
Ta quyết ra tay trả một keo.

### XIII

Tự miễn

Muôn vạn tiêu pha kể đã nhiều.  
Người vàng dẫu có chịu lưng eo;  
Danh này đã chót đem đi thử,  
Cuộc ấy cho nên-cổ phải theo.  
Quyết hẳn một phen ra đứng lái,  
Cần chi nữa hội phải nằm mèo;  
Xưa nay có chí trời không phụ,  
Nó dấy lên rầy mặc sức teo.

### XIV

Mirng quan Thừa-thiên phủ-doãn  
Nguyễn Công-Trứ thất-thập thọ

(Họa bài lưu-giàn)

Bảy mươi tuổi lúc vẫn còn ri,  
Nơi biết xưa kia buổi thiếu-thì;

Rượu tình thơ say hồn Lý-Bạch,  
Trúc chào hoa cột thú Vương-Hi;  
Giang-sơn tróc lại đôi tay khấu,  
Vân vô bông ra một ngọn li;  
Cùng kiếp phù-sinh hay được vậy,  
Dầu dẫu tiếng thị với lời phi.

### XV

Hỏi thăm quan-lại phủ Quảng-oai

Cửa nhà quan chủ có yên không?  
Cụ giáo năm nay dạy có đồng?  
Quán lính những sao ba chú đội?  
Án từ chỉ đó mấy thầy thông?  
Chợ làng Vinh-phê lương hơn kém?  
Giếng xóm Tây-dâng nước đục trong?  
Tổng lý rượu chè còn thùng-thắng?  
Chùa-chiền chuông trống vẫn long-long?

### XVI

Năm mậu-thân cáo bệnh về

Sinh ra tai mắt kém chi ai,  
Không tục, không tiền ấy mới tài;  
Ngất-ngưỡng đài cân mà guốc dép,  
Dở-àng chung đình lại ngô khoai.  
Ngoài trường danh-lợi chán không  
vương,  
Trong cái tài-tình mậ đã rơi;  
Tạo-hóa có chiều cho mặc ý,  
Phong-lưu kiếp ấy hãy còn dài.

### XVII

Năm ki-dậu khai bát

Trời nhĩ ba mươi sáu tuổi rồi,  
Sinh ra tai mắt ở trên đời;  
Tâm thương gặp hội phong vân trở  
Tẻo bề nhờ ơn vũ lộ đời.

Tài cũng chẳng tài may có mệnh,  
 Tiếng tuy không tiếng vẫn còn hơi;  
 Giang-sơn ta thử tao này nữa,  
 Trắng nợ tang-bồng vậy mới thôi.

THƠ KIM  
 Nhảy đăm  
 (Hát xẩm)

Tân thì trào tân thì trào,  
 Bưởi vãn-minh trán ngọn sóng tôn-trào,  
 Lắm cô thiếu-nữ ước ao phi nguyện.  
 No cơm mà giậm-giật mọi miền,  
 Bêm đêm cô nhảy như tiên khác nào!  
 Tay ôm mà chân giũn đẹp sao!  
 Quay đi quay lại biết bao là tinh!  
 Theo dịp kèn mà cô nhảy rập-rình.  
 Thu-ba đem thói khuyh-thành trêu  
 người.  
 Các cô sinh gặp cái buổi tân-thời,  
 Rõ-ràng sung sướng hơn người cò-nhân.  
 Tam-lòng tứ-đức không cần.  
 Tự-do mặc sức theo chân mà đua-đàn.  
 Gái thanh-lân thói cũng chẳng bán,  
 Có chồng ra nữa cũng nhảy trăn cùn.  
 Ở đời thật lắm cái trò hay! [mày.  
 « Xương tủy » hai chữ đến nay đã cũ rồi.  
 Nhảy đi! nhảy nữa! ai ôi!  
 Chị em cứ nhảy đề khoe tài khoe xinh.  
 Song chỉ e cái va tây đình,  
 Nhảy hoài rơi mất chữ « trình » ngàn  
 vàng.

Làm thân con gái mà đã nhỡ-nhang.  
 Mẹ cha ghét bỏ, anh chàng nó cũng  
 không thương.  
 Đời con người dờ-dờ dang-dang,  
 Bảy giờ thôi hẳn nhảy quàng nhảy xiên.  
 Đâu đâu ma chẳng nhảy liến,  
 Nhảy nơi Hoàn-kiếm, nhảy miền hồ Tây.  
 Nhảy cho biết đó, đây mà biết đây.

Khuyên ông bạn mới xuất-chính  
 (Hát nói)

Phù quý nhân chi sở dục dã,  
 富貴人之所欲也  
 Mừng ông nay hẳn đã bước lên quan;  
 Chốn cãm-đường ngày tháng thanh-  
 nhàn.  
 Cái hi-vọng chửa-chen nào xiết kê!  
 Song đã được lộc nước ơn vua nên phả  
 nghi,  
 Làm sao cho tiếng đề đến mai sau;  
 Kia Cung, Hoàng, Thiếu, Đổ những từ  
 Tên họ ấy có sao nay vẫn nhắc? [bao.  
 Thế thái mỗi hiềm kim dị hắc,  
 世態每嫌金易黑  
 Thân tâm ưng dữ thủy cầu thanh.  
 臣心應與水俱清  
 Bối với dân, với nước, với Triều đình,  
 Hết بدن-phận của mình không kể nói.  
 Nay đương lúc cuộc đời đời mới,  
 Gương thanh-liêm ta phải để người soi.  
 Quan hiền dân mới yên vui.

Tương-giang-thị NGUYỄN TIẾN



# THỜI-ĐÀM

## PHÁP

Sắp có cuộc thao-luyện quân-binh rất lớn.

Nước Pháp nay mai sẽ tổ-chức một cuộc thao-luyện quân-binh rất lớn trong bốn tháng trường.

Thông-chế Pétain tố-cáo nước Đức táng binh.

Thông-chế PÉTAIN bày tỏ một cách rõ-ràng chắc-chắn ở trước ủy-ban quân-sự rằng nước Đức hiện nay đang tung binh nhiều lắm. Một xưởng chế tạo tàu bay chiến-trận và một xưởng chế-tạo khí-giới đang làm việc gấp đêm ngày.

Chính-sách tiết-kiệm.

Theo chỉ-dụ ngày 4 Avril, bộ Thuộc-địa đã giảm bớt 29 viên-chức, trong đó có một viên tổng-lý văn-phòng, một viên phó tổng-lý văn-phòng, một tổng thư-ký Thượng-hội-dồng Thuộc-địa, v. v..

Quan Tổng-trưởng bộ Thương-mại đã định rút bớt một viên thanh-tra, 10 viên kỹ-sư, 20 viên kiểm-soát các đồ đo lường, 8 viên chủ-sự Thương-mại-cục ở ngoại-quốc và chừng 20 viên-chức coi về đầu đốt máy.

Thủ-tướng Doumergue với Hitler.

Quan thủ-tướng DOUMERGUE đã tiếp-kiến ông VON RIBBENTROP là đặc-biệt phái-viên của HITLER.

..

MĨ

Nhiều nước không trả được nợ chiến-tranh.

Mấy nước Ý-đại-lợi, Hung-gia-lợi, Lỗ-má-ni, Phó-lan-nhã và Lettonie đều tuyên-bố rằng không trả được khoản nợ chiến-tranh cho Mĩ về hạn 15 Juin này.

..

ANH

Phật-giáo ở Anh.

Phật-giáo ở Anh bây giờ thịnh-hành lắm. Hôm 28 Mai là ngày vía của Phật Thích-ca nên ở *Caxtonhall* có đến 500 tín-dồ họp lại làm lễ kỷ-niệm và rước tượng Phật đi diễu trong thành-phố.

Vua và hoàng-hậu Xiêm hiện đang du-lịch ở đây cũng đến chứng-kiến và lễ Phật.

..

Ý

Cuộc hội-kiến của Mussolini và Hitler.

Hai nhà độc-tài MUSSOLINI, thủ-tướng Ý, và HITLER, thủ-tướng Đức, đã hội-kiến thương-thuyết với nhau ở *Venise*. Trong khi đàm-luận người ngoài không ai được dự. Bài diễn-văn của MUSSOLINI đọc tại công-trường *S<sup>t</sup> Marc*,

nói về việc bang-giao Đức Ý có tuyên-bố: «Tôi và HITLER hội-kiến nhau chẳng phải là để đảo lại bức bản-đồ chính-trị của Âu-châu và thêm những nỗi lo mới cho dân, nhưng chính thực là để tránh khỏi những đám mây mờ-ám đã che lấp cái ánh sáng ở Âu-châu, làm cho thế-giới được chút ít thông-nhiệt và hiểu lòng nhau mà cộng-tác với nhau về mặt kinh-tế. . . »

Về việc tổ-chức triển sông *Danube*, Đức thuận dự vào các hợp-ước kinh-tế ký ngày 15 Mai ở *Rome* của ba nước Ý, Hung, Áo. Về vấn-đề Áo thì MUSSOLINI và HITLER đều công-nhận nên để nước ấy độc-lập và yên-ổn. Đảng Quốc-gia xã-hội sẽ kìm việc cổ-dộng lại. Nhưng Ý phải vận-động để cho các đảng-viên Quốc-gia xã-hội được ra ứng-cử nghị-viên ở Áo về mùa thu này.

## THỎ-NHĨ-KỶ

### Mustapha Kémal làm di-chức.

Theo điện-tin Radio ở *Ankara* ngày 29 Mai, thì MUSTAPHA KÉMAL — nhà độc-tái ở nước Thổ — hiện đang tại chức đã hạ lệnh tuyên-bố từ di-chức của ông.

Đại-khái từ di-chức ấy ông xin nước Thổ chớ nên quay lại với chế-độ quân-chủ và phải hết sức bài-trừ cộng-sản. Thủy-binh bộ-binh phải sẵn-sàng về việc chiến-tranh. Không nên cứ nhà quân-phiệt lên ngôi Giám-quốc. Nên để cho chính-giới có quyền-hạn hơn lang giềng và liên-hợp với các nước ở trung-bộ Âu-châu và Á-châu. Nên cải-cách tôn-giáo. MUSTAPHA KÉMAL lại xin sau khi ông chết phải lập-tức phá hết những hình-tượng ông và không được dựng thêm một cái mới nào nữa.

## XIÊM

### Hạn-chế việc học của Hoa-kiều.

Nước Xiêm cho rằng việc học của người Hoa-kiều càng tiến-bộ càng bất-lợi cho việc giáo-dục của Xiêm, nên muốn cho việc học của Hoa-kiều khỏi hành-trường, bộ Giáo-dục Xiêm ra lệnh đóng cửa 15 trường học của người Tàu. Nhiều giáo-viên Tàu phải bỏ về nước.

## NHẬT

### Hải-quân nguyên-sứ Togo tạ-thế.

Ngày 29 Mai Nhật-bản mới mất một vị cựu nguyên-soái hải-quân đại-tướng là ông Togo (Đông-hương). Ông Togo là người đã đánh chìm cả một đội tàu chiến của Nga bởi Nga Nhật chiến-tranh ở eo-bề Đối-mã (*Tshoushima*). Nhờ trận đánh ấy, Togo làm cho binh Nga đại-bại và khiến cho nước Nhật trở nên một cường-quốc uy-danh lẫy-lừng.

Chính-phủ Nhật đã làm lễ quốc-táng rất trọng-thể cho ông, và các nước Anh, Pháp, Mĩ, Ý v. v. đều có phái một toán thủy-quân đến dự lễ. Ông hưởng thọ 87 tuổi.

## HỘI VẠN-QUỐC

### Vấn-đề hạt Sarre.

Hội-đồng Hội Vạn-quốc nay đang xét vấn-đề hạt *Sarre*. Chính phủ Pháp đã gửi cho hội-đồng một bản bày tỏ thái-độ của Pháp đối với cuộc phò-thông đầu phiếu. Bản ấy có nói rằng vấn-đề hạt *Sarre* là một vấn-đề quốc-tế chứ không phải là một vấn-đề riêng trong hai nước Pháp Đức mà thôi.

## THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Cuộc giao-thiệp Trung Nhật

Nước Tàu ngày nay đương đứng vào cái cảnh rất nguy-cấp rất khó-khăn, miền bắc thì quân Nhật chiếm giữ dải Trường-thành, ngăm bố-trị cách đại-bao-vi, miền nam thì người Nhật lại dòm-nom các hải-khẩu, định cướp lấy làm nơi quân-cảng. Thế mà việc giao-thiệp giữa hai nước Trung-Nhật thì vẫn dằng-dắng kéo co tranh-biến nhau từng tí, nay việc nợ xảy ra thế này, mai lại hóa ra thế khác ngay.

Chính-phủ Trung-hoa trước kia đối với Nhật đã cự-tuyệt cái thuyết « trực-tiếp đàm-phán », tuyên-bố ở giữa hội Quốc-liên, sau lại nhả lui dần mà đổi ra rằng : theo nguyên-tắc « không táng quyền nhục quốc », thì các việc khác có trực-tiếp đàm-phán cũng được. Nay lại đổi lại trong một phạm-vi là : Trừ vấn-đề Đông-bắc ra, việc gì cũng trực-tiếp đàm-phán được cả. Ấy cái chính-sách ngoại-giao của Tàu đối với Nhật thay đổi luôn như thế, dư-luận người Tàu gọi là cái chính-sách « Tam dịch chủ-nghĩa 三易主義 » nghĩa là thay đổi chủ-trương đến ba lần.

Gần đây đại-sứ Nhật là Hữu Cát vừa trở sang Nam-kinh có đem ra hơn hai trăm cái án còn bỏ dở trong cuộc Trung-Nhật giao-thiệp để cùng chính-phủ Tàu giải-quyết, thúc-giục Trung-hoa phải hiệp-tác với Nhật về đường kinh-tế, lấy những việc sau này làm căn-cứ, như : Hạ bớt quan-thuế Trung-hoa, hiệp-tác kiến-thiết lại Trung-hoa, định lại các món nợ cũ để tiện đặt tư-bản mới ; lập đường hàng-không giao-thông hai nước, khai-thác những vật-sản thiên-nhiên trong hai tỉnh Sơn-dông Phúc-kiến.

Còn việc giao-thông đường hỏa-xa

Bắc-binh-Thâm-dương, và giao-thông bưu-chính với Mãn-châu, thì Nhật đương yêu-cầu chính-phủ Tàu giải-quyết cho xong. Hữu-Cát đã phêi SUMA, tổng-linh-sự Nhật ở Nam-kinh dò xét ý-từ chính-phủ Tàu trước khi mở cuộc điều-dinh về việc ấy.

Ngoại-tướng Nhật là Quảng Điền lại vừa mới tuyên-bố cái chính-sách đối-phó với Trung-hoa : Một là giải-thích cái ý chân-thành của Nhật muốn duy-trì cuộc hòa-bình Viễn-dông, mưu cho nước Tàu hưng-thịnh ; hai là làm cho Tàu hiểu Nhật mà cùng chịu chung cái trách-nhiệm với hai nước Nhật Mãn về cuộc hòa-bình ; nếu Tàu biết ra mà thừa-nhận cái thành-ý của Nhật, thì Nhật không tiếc gì mà chẳng giúp cho Tàu được thống-nhất ; ba là bề có một nước thứ ba nào mà hành-động làm cho ly-gián mối quan-hệ của hai nước Nhật với Tàu, thì Nhật quyết phản-đối cho đến cùng Nhật muốn cho Tàu hiểu rõ mà cùng hiệp-tác về kinh-tế và chính-trị. Tàu tưởng rằng hiệp-tác về kỹ-thuật với các nước là lợi, nhưng không biết rằng chính liệt-cường các nước muốn chia xé nước Tàu. Nhật rất phản-đối việc ấy. Bốn là muốn khôi-phục nền thương-mại của Tàu với Nhật, thì phải cùng với Nhật và Mãn cả ba nước mưu cuộc kinh-tế hiệp-tác, thì mới làm cho xứ Viễn-dông chóng hưng-vượng lên được. Năm là Tàu nên hạ bớt thuế nhập-cảng để tiêu-thụ hàng Nhật, v. v.

Xem như cái chính-sách Quảng-Điền tuyên-bố như trên, thì Nhật chẳng là tử-tế với Tàu lắm ru ! Nhưng cái mưu ngăm khờ-khéo của người Nhật muốn làm chủ-nhân-ông ở giữa phiến đất đại-lục Á-đông này, chỉ muốn chiếm

lấy cả hai miền Hoa-bắc Hoa-nam nước Tàu thì mới đạt được cái hùng-dồ xưng bá. Lúc như trước kia thủ-tướng Điền-Trung đã tuyên-bố cái chương-trình: « Muốn lấy cả thế-giới, trước phải lấy nước Tàu, muốn lấy nước Tàu, trước phải lấy Mãn-mông ». Ấy con đường tiến-thủ của Nhật là trước nhất phải tràn sang chiếm lấy nước Tàu, như thế thì không những nguy cho nước Tàu, mà những nước có quyền-lợi ở Tàu như Anh, Nga, Mĩ, đều phải lo về cái nguy-cơ ấy cả. Nhật cũng biết rằng thế nào cũng gặp những cái trở-lực của các nước có quyền-lợi ở Thái-bình-dương, nên đã dự-bị cuộc chiến-tranh với các nước rất dữ. Xem như số dự-toán Nhật-bản năm 1934-35 đã do nội-các đưa ra quốc-hội ngày 2 tháng 12 vừa rồi, kết-quả đã lọt qua quốc-hội rồi. Số dự-toán này tổng-cộng là 2.111.000.000 tiền Nhật, tuy chỉ bằng một phần tư số dự-toán nước Anh, nhưng so với số dự-toán nước Nhật mọi năm về trước thì thật là một thứ kỷ-lục không bao giờ có. Lại một điều quan-trọng hơn nữa, là: Trong số dự-toán đó có 937.000.000 đồng dùng về quân-phi, ngang với số quân-phi nước Anh là nước có lãnh-thổ rộng lớn cần phải phí-lớn nhiều. Trong số quân-phi của Nhật chiếm 44 phần trăm của số chi-tiêu, so với năm 1933 hơn lên 20 phần trăm, so với nước Anh hơn 30% so với Mĩ hơn 27%, so với Pháp hơn 2%, thậm-chi so với nước Đức trước cuộc Âu-chiến một năm cũng nhiều hơn 3%.

Nhật-bản mà tăng nhiều quân-phi như thế, bản là Nhật muốn mở-mang lãnh-thổ chiếm lấy nước Tàu, thế tất trước phải lo toan đối-phó với Nga với Anh hay là Mĩ chứ chẳng không?

Còn như Tàu thì tài-chính quãn-bách, trong năm vừa qua vì phải mua

nhiều quân-bị, ngân-sách thiếu hụt mất 103 triệu đô-la Mã tây-cơ. Số tiêu phí về quân-bị đến 450 triệu, hết phần nửa ngân-sách—Theo thông-tấn « *Sans-lit* » thì từ tháng 11-1933 đến tháng 3-1934, Trung-hoa mua vật-liệu làm máy bay ở Đức hết 239.803 đô-la Mĩ; ở Anh 499.814 đô-la; ở Mĩ 872.028 đô-la; và ở Ý 460.000 đô-la.

Vừa đây cuộc Đại-hội-nghị tài-chính họp ở Nam-kinh đã chuẩn-y các điều sau này:

1) Các văn-tự đất trong các tô-giới và giấy gửi hàng tàu biển do các hãng Hàng-hải ngoại-quốc lập ra tại các hải-cảng, từ đây sẽ phải dán tem Tàu.

2) Tăng thuế rượu Nho.

3) Các tỉnh Quảng-dông và Phúc-kiến sẽ cùng đánh một thứ thuế gạo nhập-cảng.

Còn việc cấm các hội tư-bản ngoại-quốc được nhận tiền lưu-trữ mới và phải đem số trữ-ngân cũ đặt dưới quyền kiểm-soát của bộ Tài-chính thì hội-nghị giao cho một ủy-ban tra xét.

Khổng Tường-Hi có tuyên-bố rất bài lòng về những kết-quả của Đại-hội-nghị. Khổng nói sẽ nghiên-cứ kỹ về việc hạn quyền các hội tư-bản ngoại-quốc và cố đặt ra thứ thuế đánh số tiền công-cộng hàng năm của các hội ấy.

Ấy tài-chính của nước Tàu đại-lược kế-hoạch là như thế, mà binh-chính thì vẫn chưa thống-nhất, các đảng phái vẫn ngờ vực nhau. Vì lo Tưởng Giới-Thạch đem toàn-lực mưu kiêm-tính miền Nam, các nhà đương-cục Quảng-dông, Quảng-tây định đoàn-kết với nhau để cùng ứng-phó, lại muốn liên-lạc với Hà Kiện ở Hồ-nam để cho mạnh cánh thêm.

Nội-cục nước Tàu thì đảng-phái vẫn còn chia rẽ nhau. Mà ngoại-bộ nước Tàu thì cái kế-hoạch xâm-chiếm Mãn-châu của người Nhật, về phần thứ



nhất hiện đã làm xong, hiện nay đang ra sức tiến-hành phần thứ hai, tức là việc di-dân đã định trong hạn 20 năm đời ba trăm vạn dân sang đó. Đã bắt đầu lập ra Mãn-châu di-dân công-ti, do chính-phủ Nhật và chính-phủ Mãn hợp biện, tiền vốn là 2000 vạn đồng, mỗi bên xuất một nửa. Trong 20 năm sẽ dời xong một trăm vạn gia-tộc, nơi di-cư sẽ lấy các đường sắt Hắc-hải, Tề-khắc làm trung-tâm. Mỗi một gia-tộc dời sang đó hạn là ba người. Những gia-tộc Nhật dời sang đó, do chính-phủ hỗ-trợ cho mỗi gia-tộc bốn nghìn đồng.

Bọn di-dân ấy vừa người Nhật vừa người Triều-tiên mà tràn sang, thế tất

phải đuổi cả nông-dân Tàu ra ngoài cõi. Vì việc người Nhật cưỡng-chiếm ruộng đất nên nông-dân ở Mãn-châu nhiều nơi khởi lên phản-kháng. Những nơi căn-cứ rất lớn của quân Nghĩa-dũng ở Nhiệt-bà là một dải Ngũ-gia-tử, Tam-gia-tử, Vi-gia-câu, nhất là ở Ý-lan, bọn tráng-dinh nông-dân khởi lên hàng ba bốn vạn, thế-lực rất mạnh, quân Nhật phải dùng đến máy bay đánh phá để chiếm lấy ruộng đất mà chưa yên.

Ấy cái chính-sách xâm-lược của người Nhật đối-đãi với người Tàu là như thế, chẳng biết Trung-hoa dân-quốc bao giờ mới có cơ phục-hưng lên được ?

## VIỆC TRONG NƯỚC

**Định thế-lệ mới về các ngục-thất xứ Trung-kỳ.** — Ngày 17 Mai 1934, qua quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL đã duyệt-y đạo Dụ của đức Bảo-dại ra ngày 30 Avril 1934 định những thế-lệ mới về các ngục-thất xứ Trung-kỳ. Những tội-nhân do các tòa Nam-án xử, giam tại các ngục ở các tỉnh đạo phủ huyện châu cùng ở Lao-bảo và Ban-mê-thuột đều phân-biệt chính-trị-phạm và thường-phạm. Định rõ kỷ-luật trong đê-lao, công việc của tội-nhân, thuốc thang cho tội nhân đau ốm, cùng cơm ăn áo mặc cho tội-nhân và các thế-lệ chung nữa.

**Tiền lãi của nhà Băng Đông-dương năm 1933.** — Cứ bảng kế-toán của nhà Băng Đông-dương thì trong năm 1933 được lãi là 3.688.850 đồng bạc.

**Ông Pagès đã sang cung-chức Thống-đốc.** — Ông PAGÈS, nguyên quyền Thống-sứ Bắc-kỳ, được bổ chức Thống-đốc Sài-gòn. Ngày 29 Mai ngài đã sang tới Sài-gòn cung-chức. Nhân dân Nam-kỳ đón rước rất trọng-vọng.

**Ấn-xá và ân-giảm cho tội-nhân.** — Nhân dịp lễ sách-phong Hoàng-hậu

vừa rồi, đức Bảo-dại có Ấn-xá và ân-giảm cho các tội-nhân chính-trị-phạm và thường-phạm thuộc Trung-kỳ, cả thảy hơn ba trăm người.

Lấy tên hai ông Léonet và Thân Trọng-Huê đặt tên hai trường học ở Hà-nội. — Hội-đồng thành-phố Hà-nội định lấy tên ông LÉONET cố-đốc-học trường Bưởi đặt tên cho trường học Hàm-long; lấy tên ông THÂN TRỌNG-HUÊ cố-Thương-thư bộ Học đặt tên cho trường học hàng Kèn.

**Thi-hành chế-độ « dầu săng quốc-gia ».** — Nghị-định quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL ngày 31 Mai cho thi-hành chế-độ dầu săng quốc-gia ở cõi Đông-dương. Kể từ mồng 1 Juillet 1934 các nhà bán dầu săng trong cõi đều phải pha lẫn rượu vào dầu săng, chứ không được dùng dầu nguyên-chất.

**Khuyến-kích nghề hội-họa kiến-trúc ở Hà-nội.** — Hội-đồng thành-phố Hà-nội mới định trong năm 1934-1935 trích ra một số 600 đồng bạc để làm các giải thưởng cho các nhà ở hoặc để làm cửa hàng mà phía trước

nhà làm được đẹp. Thường cả chủ nhà và người vẽ kiêu kiến-trúc, lại cấp cả bằng khen nữa.

**Chính-đồn quyền-hạn Tôn-nhân-phủ.**— Tôn-nhân phủ có các quan chức đề coi sóc duy bảo các người trong Hoàng-phái, thế-lệ cũ có điều không hợp-thời, nên ngày mồng 1 Juin Hội-đồng Thượng-thư do quan Khâm-sứ Trung-kỳ chủ-tọa, quan Thượng-thư Ứng-Bàng kiêm-nhiếp Tôn-nhân-phủ dự-hội. Hội-đồng đã định quyền-hạn và trách-nhiệm của Tôn-nhân-phủ, việc gì cũng được tiện-tích và nhanh chóng hơn trước, có qui-điều rõ ràng đáng lên nghị-duyet ban dự thi-hành.

**Trù-tĩnh sửa-sang kinh-thành Huế.**— Triều-đình Huế đã định các điều sửa-sang lại kinh-thành Huế, như mở đường-sá cho rộng phẳng và giải đũa, trồng cây hai bên đường cho mát, bắt rở hết các nhà tranh, trồng nhiều cột đèn, đặt các máy nước, làm các vườn hoa, đặt sân thể thao, vân vân. Công việc giao cho bộ Công-tác Trù-linh xong thì khởi công.

**Đeo bài ngà và bài đồng trong khi làm việc quan.**— Đức Bảo-đại mới chuẩn-y và cho thi-hành tờ thỉnh-cầu do quan Thượng-thư bộ Lại tâu xin cho ở xứ Trung-kỳ các quan phủ quan huyện quan châu đều được đeo bài ngà và các chánh phó tổng lý-trưởng đều được đeo bài đồng trong khi làm việc quan.

**Công việc cứu-tế dân thất-nghiệp ở Sài-gòn.**— Những công việc của ban Cứu-tế nuôi dân thất-nghiệp ở Sài-gòn vẫn làm việc như mấy năm trước. Cứ trong biên-bản của ban Cứu-tế họp ngày 5 Juin, thì dân thất-nghiệp hiện còn đến xin ăn là 363 người Pháp và 2.153 người Nam cộng là 2.516 người.

**Lễ Hưng-quốc khánh-niệm.**— Ngày mồng 2 tháng 5 ta, ở Huế và các

lĩnh đạo thuộc Trung-kỳ, đều làm lễ Hưng-quốc khánh-niệm rất trọng-thề. Ở Bắc-kỳ các công-sở đều nghỉ làm việc một ngày để tỏ lòng kỷ-niệm.

**Nhà thương René Robin và nhà thương lây ở Công-vọng là nhà thương tự-trị.**— Nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ, kể từ mồng 1 Juillet 1934 nhà thương René Robin và nhà thương lây ở Công-vọng đặt làm nhà thương chính của số Y-lễ mà được tự-trị, dưới quyền kiểm-sát quan Giám-đốc nha Y-lễ.

**Quan Võ-hiến yết - kiến quan Tổng-ly Nội-các Pháp.**— Ngày 13 Juin, quan Võ-hiến Hoàng Trọng Phu cùng các ông đại-biểu Nam-kỳ vào yết-kiến quan Tổng-ly Nội-các bên Pháp.

**Nhà thương điên ở núi Voi đã làm việc.**— Nhà thương điên ở núi Voi thuộc Bắc-giang đã bắt đầu làm việc từ ngày 14 Juin, hiện đã đem 115 người bệnh điên lên ở đó. Nhà thương này có thể dung được 380 bệnh-nhân.

## NAM-PHONG TÙNG-THU

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lối-xích.

giá 4 hào.

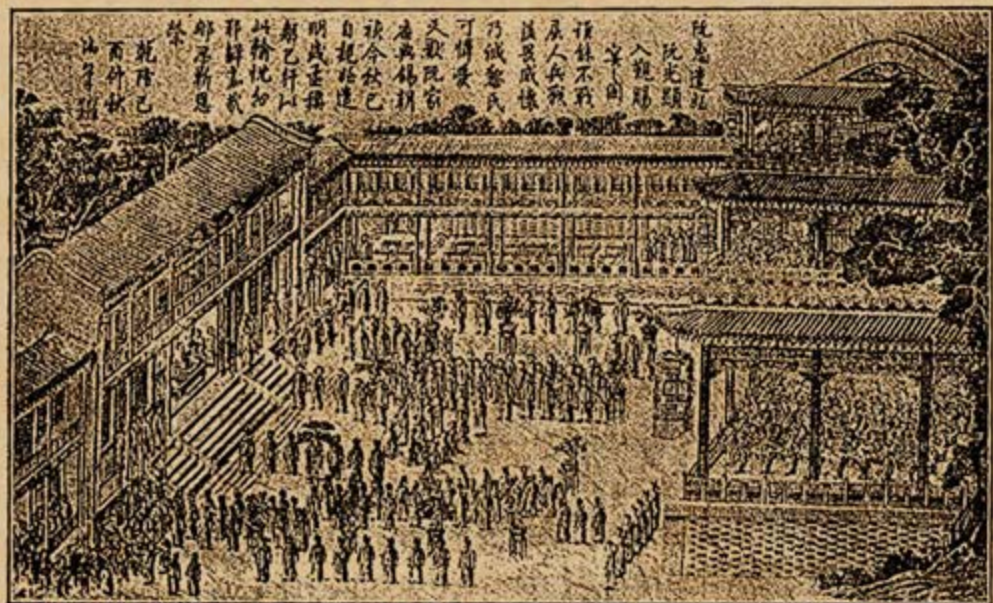
Xuất-bản từ trước :

- |                            |                 |
|----------------------------|-----------------|
| 1. - Văn-minh-luận         | 4 hào.          |
| 2. - Ba tháng ở Paris      | 4 hào.          |
| 3. - Văn-học nước Pháp     | 4 hào.          |
| 4. - L'idéal du Sage       | 4 hào.          |
| 5. - Chính-trị nước Pháp : |                 |
| Quyển thứ I                | 4 hào.          |
| Quyển thứ II               | 5 hào.          |
| 6. - Khảo về tiểu-thuyết   | 4 hào.          |
| 7. - Lịch-sử thế-giới      | 4 hào.          |
| 8. - Le Paysan Tonkinois   | 4 hào.          |
| 9. - Lịch-sử và học-thuyết | VOLTAIRE 4 hào. |
| 10. - Phật-giáo đại-quan.  |                 |
| (In lần thứ hai)           | 5 hào.          |
| 11. - La Poésie annamite.  | 4 hào.          |
| 12. - Tục-ngữ ca-đạo.      | 4 hào.          |



Bà-lớn Thống-sứ Tholance đến thăm hội-quán Hợp-thiện

Bức tranh sứ-bộ đời Tây-sơn yết-kiến vua Kiền-long nhà Thanh  
tại hành-cung Nhiệt-hà



Đời vua Quang-trung nguyên-niên (1789) giao-thiệp với Tàu, phái sứ-bộ sang Bắc-kinh, chánh-sứ là Nguyễn Quang-Hiên, phó-sứ Nguyễn Hữu-Trù và các lữ-viên Vũ Huy-Tấn, Ngô Vi-Quy và Nguyễn Đình-Cử. Vua Tàu tiếp-đãi một cách đặc-biệt, thết yến tại hành-cung Nhiệt-hà. Đây là một bức tranh vẽ lúc bấy giờ, khắc vào biển đồng, để tại trong hoàng-cung nhà Thanh, hiện nay bày tại Bắc-bình Đồ-thư-quán.